

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
SHINHAN VIỆT NAM**
Số: 16/2025/CBTT-SSV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---

**CÔNG TY TRÁCH
NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN
SHINHAN VIỆT
NAM**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty: **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM**

Mã chứng khoán: không có

Trụ sở chính: Tầng 18, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, số 15 đường Trần Bạch Đằng, phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028 6299 8000 **Fax:** 028 3939 8015

Người thực hiện công bố thông tin: Ông HAN BOKHEE - Chủ tịch Hội đồng thành viên

Địa chỉ: Tầng 18, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, số 15 đường Trần Bạch Đằng, phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại (Cơ quan): 028 6299 8000 **Fax:** 028 3939 8015

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CỦA CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM**

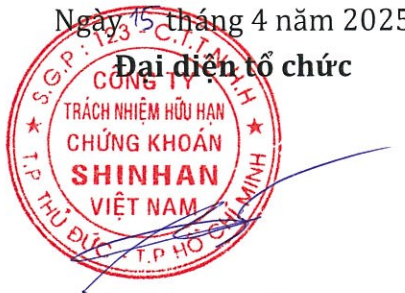
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 15/04/2025 tại đường dẫn <https://shinhansec.com.vn/vi/tin-tuc-shinhan/bao-cao-thuong-nien.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2024

Ngày 15 tháng 4 năm 2025
Đại diện tổ chức



HAN BOKHEE
Chủ tịch Hội đồng thành viên

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
SHINHAN VIỆT NAM
SHINHAN SECURITIES
VIETNAM CO., LTD.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 2024/BCTN-SSV
No: 2024/BCTN-SSV

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2025
Ho Chi Minh city, April 15, 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

Năm 2024/Year 2024

Kính gửi/ To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*State Securities Commission*
Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam/*Vietnam Stock Exchange*
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội/*Ha Noi Stock Exchange*
Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh/*Ho Chi Minh Stock Exchange*

I. THÔNG TIN CHUNG/GENERAL INFORMATION

1. Thông tin khái quát/ General information

Tên giao dịch/ Trading name: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN
SHINHAN VIỆT NAM

Tên tiếng Anh/ English name: SHINHAN SECURITIES VIETNAM CO., LTD.

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 123/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/02/2016.

Establishment and Operation License No.: 123/GP-UBCK issued by State Securities Commission dated February 04, 2016.

Vốn điều lệ/Charter capital: 1.912.600.000.000 VNĐ

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu/
Owner's capital:** 1.912.600.000.000 VNĐ

Trụ sở chính: Tầng 18, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, số 15 đường Trần Bạch Đằng, phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Head Office: Floor 18, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13, Functional Area No. 1, 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Số điện thoại/ Telephone: 028 6299 8000

Số fax/ Fax: 028 3939 0815

Website: www.shinhansec.com.vn

**Mã cổ phiếu (nếu có)/
Securities code (if any):** Không/No.

Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process:

- 04/02/2016** Mua lại Công ty Cổ phần Chứng Khoán Nam An và chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 123/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp, ghi nhận vốn điều lệ là 146 tỷ Việt Nam đồng.
Acquired Nam An Securities Company and officially change the name into Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. under the license No. 123/GP-UBCK issued by SSC, recording the charter capital is 146 billion Vietnam dong.
- 16/02/2016** Chính thức trở thành thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký Việt Nam.
Officially became custody member of VSDC.
- 17/05/2016** Chính thức trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
Officially became member of Ha Noi Stock Exchange.
- 12/10/2017** Thay đổi người đại diện theo pháp luật theo Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK.
Changed the Legal Representative under the amended license no. 50/GPĐC-UBCK.
- 27/12/2017** Công ty tăng vốn điều lệ lên 812.600.000.000 VNĐ và được ghi nhận tại Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK.
The Company increased the charter capital to VND 812.600.000.000 under the amended license no. 62/GPĐC-UBCK.
- 30/03/2018** Thay đổi Điều lệ Công ty lần thứ nhất.
The first change of Company's Charter.
- 20/11/2018** Thay đổi Điều lệ Công ty lần thứ hai.
The second change of Company's Charter.
- 24/04/2020** Thay đổi địa chỉ Trụ sở chính theo Giấy phép điều chỉnh số 18/GPĐC-UBCK.
Changed the Head office's address under the amended license no. 18/GPĐC-UBCK.
- 02/06/2020** Thay đổi Điều lệ Công ty lần thứ ba.
The third change of Company's Charter.
- 11/08/2020** Thay đổi người đại diện theo pháp luật theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK.
Changed the Legal Representative under the amended license no. 49/GPĐC-UBCK.
- 01/04/2021** Thay đổi địa chỉ Trụ sở chính theo Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK.
Changed the Head office's address under the amended license no. 15/GPĐC-UBCK.
- 27/12/2021** Công ty tăng vốn điều lệ lên 1.912.600.000.000 VNĐ và được ghi nhận tại Giấy phép điều chỉnh số 124/GPĐC-UBCK.
The Company increased the charter capital to VND 1.912.600.000.000 under the amended license no. 124/GPĐC-UBCK.
- 27/12/2021** Thay đổi Điều lệ Công ty lần thứ tư.
The fourth change of Company's Charter.

- 10/01/2022** Nhận Quyết định 18/QĐ-UBCK về việc chấp thuận cho Công ty cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.
Received Decision 18/QĐ-UBCK on approving the Company provide cash advance service.
- 29/04/2022** Là thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 49/QĐ-SGDVN.
Became a trading member of Vietnam Exchange according to Decision No. 49/QĐ-SGDVN.
- 22/06/2022** Nhận được Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
Received the Amendment License No. 48/GPĐC-UBCK on adding securities services: Securities underwriting.
- 30/06/2022** Thành lập Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 419/QĐ-UBCK.
Established Hanoi Branch in accordance with Decision No. 419/QĐ-UBCK.
- 21/09/2022** Nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 (Mã số doanh nghiệp: 0305374994).
Received Enterprise Registration Certificate issued by the Business Registration Division – Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment, registered for the 8th change (Corporate code: 0305374994).
- 16/03/2023** Nhận Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK về việc điều chỉnh thông tin Chủ sở hữu: Shinhan Securities Co., Ltd.
Received the Amendment License no. 21/GPĐC-UBCK on amending information of Owner: Shinhan Securities Co., Ltd.
- 30/03/2023** Nhận Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 44/GCN-UBCK cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
Received Certificate of Registration of public fund certificates distribution no. 44/GCN-UBCK issued by State Securities Commission.
- 21/06/2023** Nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9.
Received Enterprise Registration Certificate issued by the Business Registration Division – Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment, registered for the 9th change.
- 12/10/2023** Nhận Quyết định chấp thuận thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ số 92/QĐ-SGDVN từ Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam.
Received Decision on approving trading member of private corporate bond no. 92/QĐ-SGDVN from Vietnam Stock Exchange.
- 13/12/2023** Thay đổi Điều lệ Công ty lần thứ năm.
The fifth change of Company's Charter.

28/03/2024 Nhận Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh Hà Nội do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp (Mã số chi nhánh: 0305374994-001).

Received Branch Operation Certificate issued by the Business Registration Division – Ha Noi Department of Planning and Investment (Branch code: 0305374994-001).

13/08/2024 Thay đổi địa chỉ Trụ sở chính theo Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK.

Changed the Head office's address under the amended license no. 62/GPĐC-UBCK.

28/08/2024 Thay đổi Điều lệ Công ty lần thứ sáu.

The sixth change of Company's Charter.

29/08/2024 Nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 10.

Received Enterprise Registration Certificate issued by the Business Registration Division – Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment, registered for the 10th change.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business

2.1. Ngành nghề kinh doanh/ Business lines

- Môi giới chứng khoán/ *Securities Brokerage*
- Tự doanh chứng khoán/ *Securities Self-trading*
- Tư vấn đầu tư chứng khoán/ *Securities investment advisory*
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán/ *Securities underwriting.*

2.2. Địa bàn kinh doanh/ Locations of business: Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 18, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, số 15 đường Trần Bạch Đằng, phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Head office: Floor 18, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13, Functional Area No. 1, 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 2, Tòa nhà Leadvisors Place, 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hanoi Branch: Floor 2, Leadvisors Place, 41A Ly Thai To Street, Hoan Kiem District, Ha Noi, Viet Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

3.1. Mô hình quản trị/ Governance model

Mô hình quản trị Công ty tổ chức theo mô hình: Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 79 Luật Doanh nghiệp 2020.

SSV's governance model: Owner, Members' Council, Board of Management as prescribed in Article 79 of the Law on Enterprises 2020.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*Hội đồng thành viên/ *Members' Council*

- Hội đồng thành viên gồm ba (03) thành viên theo quyết định bổ nhiệm của Chủ sở hữu. Theo quy định tại Điều lệ Công ty, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

The Member's Council consists of three (03) members as appointed by the Owner. According to the provisions of the Company Charter, the term of the member of the Members' Council is five (05) years and can be re-elected for an unlimited number of terms. has no term limit.

- Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao bởi Chủ sở hữu, quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành.

Members' Council shall be responsible before the law and the Company's Owner for the performance of the delegated rights and duties assigned by the Owner, as stipulated in the Company's Charter and provisions of the law.

Ban Tổng Giám đốc/ *Board of Management*

- Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và (các) Phó Tổng Giám đốc.

Board of Management includes General Director and Deputy General Director(s).

- Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng thành viên bổ nhiệm hoặc thuê.

Members of Board of Management shall be hired or appointed by the Members' Council.

- Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng thành viên, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

The General Director is the person who manages the daily business operations of the Company, is subject to supervision by the Members' Council and is responsible to the Members' Council and before the law for the performance of the delegated rights and obligations.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: Không/ *None*.**4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*****4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company***

- Công ty đặt mục tiêu mở rộng hoạt động môi giới chứng khoán, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ giao dịch ký quỹ nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao từ thị trường tài chính trong nước và quốc tế, trong bối cảnh mức độ cạnh tranh và phức tạp không ngừng gia tăng.

The Company aims to expand its retail brokerage operations and enhance the quality of margin trading services in response to the increasing complexity and sophistication of both domestic and global financial markets.

- Chuyển đổi số tiếp tục được xác định là chiến lược được ưu tiên, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, tối ưu vận hành và mở rộng quy mô hoạt động trên toàn bộ các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi.

Digital transformation remains a key strategic priority, with a focus on enhancing competitiveness, optimizing operations and expand operation scale across all core business areas.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ Development strategies in medium and long term

- Công ty định hướng đa dạng hóa nguồn lợi nhuận thông qua việc nâng cao hiệu quả các mảng kinh doanh chủ lực cũng như tập trung vào nhóm khách hàng trọng tâm là nhóm khách hàng cá nhân có giá trị tài sản ròng cao (HNW) và dịch vụ ngân hàng đầu tư (IB), đồng thời đẩy mạnh phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới nhằm mở rộng tệp khách hàng, bao gồm nhà đầu tư trực tuyến, nhà đầu tư phổ thông và nhóm khách hàng giao dịch với tần suất cao.

The Company targets profit diversification by optimizing core business segments, including high-net-worth (HNW) clients and investment banking (IB), while also developing new products and services. These efforts are aimed at broadening the client base to include online investors, mass-market clients, and high-frequency traders.

- Song song với việc khai thác hiệu quả nền tảng tăng trưởng sẵn có, Công ty tiếp tục nâng cấp chất lượng sản phẩm – dịch vụ – hệ thống, chủ động thích ứng với các thay đổi lớn của thị trường như triển khai hệ thống KRX và áp dụng cơ chế giao dịch trong ngày. Đây được xem là những yếu tố then chốt mở ra giai đoạn tăng trưởng vượt bậc cho công ty và cho thị trường chứng khoán Việt Nam.

At the same time, the Company is enhancing service quality and internal systems to proactively respond to upcoming market shifts, including the implementation of the KRX system and the launch of intraday trading – key milestones expected to accelerate the growth of Vietnam's capital market from 2025 onward.

5. Các rủi ro/Risks

5.1. Rủi ro hoạt động/Operation risk

- Để kiểm soát rủi ro hoạt động trong một mức độ nhất định, một loạt các hệ thống hoạt động kinh doanh bao gồm Xác định rủi ro, Đo lường rủi ro, Kiểm soát rủi ro, Giám sát rủi ro, Báo cáo rủi ro sẽ được hình thành.

In order to control operation risk within a certain level, a series of business activity system comprising risk identification, risk measurement, risk control, risk monitoring, risk reporting shall be constructed.

- Mục tiêu của rủi ro hoạt động là nhằm hướng đến các biến cố do các yếu tố bên ngoài gây ra như tất cả các biến cố và thảm họa thiên nhiên xảy ra do quá trình kinh doanh không thích hợp hoặc sai lầm, do nhân lực, hệ thống. Rủi ro hoạt động phải được đo thường xuyên (hàng tháng, hàng quý) còn về tình trạng quản lý, phân tích nội dung phải được báo cáo thường xuyên cho cấp quản lý và Tiểu ban Quản trị rủi ro.

Operation risk targets events by external factors such as all the events and natural disasters being occurred by improper or wrong business process, manpower, system, it shall be measured regularly (monthly, quarterly) and management status and analysis contents shall be reported to the management and Risk Management Committee regularly.

- Mức độ rủi ro hoạt động sẽ được đo bằng cách sử dụng phương pháp đo lường mức độ rủi ro theo quy định của tổ chức giám sát hoặc dựa trên mô hình nội bộ. Nguồn vốn chủ sở hữu yêu cầu cũng sẽ được quản lý.

Operation risk level shall be measured by using risk level measuring method specified by supervising institution or internal model. And required owner's capital shall be managed.

- Mỗi tổ chức phải thiết lập hạn mức đo lường rủi ro vốn và báo cáo kết quả lên trên bằng cách tổ chức giám sát định kỳ.

Limit by each organization of measured risk capital shall be established and its result shall be reported by monitoring it periodically.

- Bất kỳ vấn đề liên quan đến các quản lý rủi ro hoạt động khác đều sẽ được xử lý dựa trên nguyên tắc và quyết định của Tiểu ban Quản trị rủi ro.

Any matter relevant to other operation risk management shall be based on guideline and resolution of Risk Management Committee.

5.2. Rủi ro thị trường/ Market risk

- Các hoạt động kinh doanh cơ bản của SSV liên quan đến giá cả, lãi suất, tỷ giá hối đoái, tác động vĩ mô... mà có thể ảnh hưởng tiêu cực đến giá trị của tài sản đầu tư.

The basic businesses of SSV which involves to prices, interest rates, exchange rates, macroeconomic impacts... that adversely affect the value of investment assets.

- Doanh thu từ các hoạt động này bị ảnh hưởng bởi những biến động về lãi suất và giá cổ phiếu, có thể do tình hình thị trường, có thể do những thay đổi về chính sách tiền tệ và những quy định pháp lý khác. Khi lãi suất và giá cổ phiếu biến động ngoài dự kiến, có thể dẫn tới rủi ro giảm sút doanh thu so với kế hoạch, thậm chí lỗ trên danh mục đầu tư.

Revenues from these activities are affected by fluctuations in interest rates and stock prices. They possibly due to market situations, changes in monetary policy and other legal regulations. As interest rates and stock prices fluctuate unexpectedly, our revenue can be lower as planned or even suffer losses on the portfolio.

- Để giảm thiểu các rủi ro này, SSV luôn duy trì công tác quản trị rủi ro mang tính phối hợp chặt chẽ từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý.

To minimize this risk, SSV always maintain coordinated risk governance closely from following, evaluating, identification, forecasting the market, providing investment strategies to limit, warning system and processing.

5.3. Rủi ro tín dụng/ Credit risk

- Các hoạt động đầu tư tiền của Công ty chứng khoán qua các kênh tiền gửi ngân hàng, cho vay ký quỹ, đầu tư trái phiếu chứa đựng rủi ro tín dụng. Rủi ro này đề cập đến khả năng tổn thất tài chính phát sinh khi các đối tác không thực hiện nghĩa vụ của mình, chẳng hạn như không thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển nhượng tài sản như đã cam kết.

Business activities of securities companies that may incur credit risk include investment in bank deposits, margin-financing business and investment in bonds. Credit risk refers to the potential financial loss that arises when partners fail to meet their obligations, such as not paying on time or being unable to transfer assets as committed.

- Hoạt động đầu tư tiền gửi tại ngân hàng thương mại có rủi ro tín dụng thấp hơn cả tuy nhiên vẫn cần có sự lựa chọn đối tác là Ngân hàng thương mại tín nhiệm cao. SSV áp dụng biện pháp đánh giá và chấm điểm tín dụng các Ngân hàng thương mại căn cứ trên báo cáo tài chính, các thông tin về tình hình tài chính và tình hình hoạt động để lựa chọn các đối tác có tín nhiệm cao nhất.

Investment in banks' deposits has the lowest credit risk but SSV still needs to select partners with high credibility. SSV applies assessment measures and credit scoring for commercial banks based on their financial statements, information about financial status and operational status so that SSV can select partners who have the highest credit rating.

- Cho vay ký quỹ là hoạt động cho vay có tài sản bảo đảm là danh mục cổ phiếu của khách hàng. Rủi ro tín dụng phát sinh với hoạt động này khi giá cổ phiếu giảm sút, làm giá trị tài sản bảo đảm giảm xuống nhưng khách hàng không bổ sung giá trị tài sản bảo đảm theo yêu cầu hoặc khi ép bán, giá cổ phiếu xuống quá thấp hoặc mất thanh khoản dẫn tới việc công ty chứng khoán không thu hồi được hết tiền cho vay. Để giảm thiểu rủi ro này, SSV thực hiện một loạt các biện pháp phối hợp:

Margin financing business is a lending activity, in which the Clients' stock portfolio is held as collateral. This activity incurs risks when stock price decline, the market value of the portfolio declined below a certain maintenance level but Clients do not provide additional collaterals or when the Securities Company cannot force the Clients to sell the stocks in a timely fashion. SSV performed a series of coordinated tools such as:

- + Lập danh mục hỗ trợ thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCKNN, đồng thời chấm điểm các cổ phiếu trên các yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp. Danh mục cổ phiếu làm tài sản bảo đảm được đánh giá lại hàng tháng để kịp thời cập nhật tình hình biến động của cổ phiếu, đồng thời các trường hợp cá biệt cũng được đánh giá ngay khi cổ phiếu xuất hiện thông tin xấu.

Strictly complying with the State Securities Commission's requirements. In addition, the list of stocks held on margin must meet certain risk management standards including liquidity, price volatility and stock evaluation, based on analysis reports covering the financial position of the related companies. List of shares as security assets are revalued monthly to timely updates on the stock volatility, while the isolated cases are evaluated as soon as bad news about shares appear.

- + Giám sát tình hình dư nợ và tỷ lệ rủi ro hàng ngày để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro: ví dụ dư nợ có độ tập trung cao trên một khách hàng, trên một mã cổ phiếu, cổ phiếu có biến động giá bất thường, cổ phiếu có thông tin bất thường, cổ phiếu có biến động giao dịch bất thường và nghi vấn trong phiên giao dịch.

Monitoring debt balance and risk ratio daily to timely detect signs of risk: for example, debt balance with high concentration on one client, on one stock code, stocks have extraordinary price volatility, unusual information, unusual transaction movements and suspicious during the session, etc.

5.4. Rủi ro thanh khoản/ *Liquidity risk*

- Rủi ro thanh khoản xảy ra khi SSV mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư sử dụng vốn vay giao dịch ký quỹ và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán của các nhà đầu tư trên tài khoản của họ duy trì tại SSV.

Liquidity risk occurs is unable to fulfill its obligations to pay due debts, fails to meet the payment needs for securities purchases of investors using margin trading loans, and is late or fails to meet the payment requirements of investors on their accounts maintained at SSV.

- SSV luôn phải đảm bảo quản lý hoạt động thanh toán của nhà đầu tư được vận hành nhanh chóng, an toàn và giảm thiểu chi phí. Việc quản lý các khoản đầu tư thanh khoản thấp cũng đòi hỏi cân đối cơ cấu của nguồn vốn chủ sở hữu một cách hợp lý, sao cho không ảnh hưởng đến nhu cầu tái đầu tư nguồn vốn khi giành được cơ hội đầu tư hiệu quả.

SSV always ensure payment activities of investors are operated quickly, safely and economically. The management of illiquid investments is required structural balance of equity resources in a reasonable manner, so as not to affect the demand for capital reinvestment when the Company gains efficient investment opportunities.

- Quy trình quản lý dòng tiền hết sức chặt chẽ, trên nguyên tắc chú trọng quản trị rủi ro thanh khoản một cách đặc biệt và phối hợp chặt giữa các phòng ban nghiệp vụ của SSV. Một hệ thống báo cáo thường xuyên và chi tiết được các bộ phận nghiệp vụ nắm chắc để kịp thời cập nhật thông tin.

This achievement is maintained thanks to a strict cash flow management process, based on the principles of focusing liquidity risk management in a particular way and collaboration between departments at SSV. A regular and detailed reporting system is used to update information for operation departments.

5.5. Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin/ *System risk and information security*

- SSV tập trung vào phát triển hệ thống tự động phát hiện, thông báo các rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, đồng thời cũng thiết lập lại tính sẵn sàng đáp ứng của hệ thống với phương pháp tiếp cận linh hoạt. Các hành động tức thời được đưa ra để ngăn chặn, giảm thiểu rủi ro có thể phát sinh lỗi.

SSV utilize the automatic alert on any potential risks in these systems. SSV also restructured the availability of our spare capacity into dynamic approach. Immediate actions can be taken to eliminate the risks before issue happening.

- Liên quan đến an toàn, bảo mật thông tin, SSV kiểm tra toàn bộ hệ thống hạ tầng để đảm bảo không có điểm mờ nào trong hệ thống bảo vệ có thể bị xâm nhập. Việc đánh giá hệ thống hàng năm được thực hiện bởi một đơn vị uy tín để đảm bảo các hệ thống có kết nối với bên ngoài được an toàn trước các cuộc tấn công mạng.

Regarding information security, SSV reviewed the entire infrastructure to ensure no blind spot in our facilities protection for intrusion. Regular yearly vulnerability scanning has been done by certified third party to ensure all our external connected facilities being safe from cyber-attacks.

- Các quy định và quy trình của Bộ phận Công nghệ Thông tin (CNTT) đã được rà soát và cải tiến. Việc này nhằm siết chặt quản lý trong nội bộ nói chung cùng với các quy định và quy tắc cần tuân thủ.

ICT policies and procedure must be reviewed and refined. This further tightens the control within the ICT department with proper monitoring of discipline and code of conduct among technical staff.

- Liên quan tới tường lửa, thường xuyên cập nhật chính sách tường lửa cụ thể là: hạn chế tải tập tin từ môi trường internet, cập nhật bản vá cho các tường lửa, cập nhật phần mềm Cybereason và sao lưu dữ liệu database offline.

Regarding firewalls, regularly update firewall policies, specifically: restricting file downloads from the internet environment, updating patches for firewalls, updating Cybereason software and backing up offline database data.

- Liên quan tới bảo mật thông tin nhà đầu tư, SSV xây dựng hệ thống mạng nội bộ an toàn:

Regarding investor information security, SSV builds a secure internal network system:

- + Trang bị hệ thống tường lửa cho các phân vùng mạng riêng trong SSV;

Equip a firewall system for private network partitions in SSV;

- + Cài đặt phần mềm phòng chống virus cho các máy trạm;

Install anti-virus software for workstations;

- + Có quy trình bảo mật thông tin;

There is an information security process;

- + Có nhân viên chuyên trách có kiến thức về bảo mật an ninh mạng.

There are specialized staff with knowledge of network security.

- Liên quan tới quản lý dữ liệu khách hàng, SSV đã thực hiện:

Regarding customer data management, SSV has implemented:

- + Mã hóa HTTPS để bảo vệ lưu lượng truy cập internet;

HTTPS encryption to protect internet traffic;

- + Lưu trữ và phân quyền truy cập dữ liệu khách hàng trên hệ thống, đảm bảo không có một phòng ban nào có thể truy cập vào toàn bộ dữ liệu thông tin khách hàng;

Store and decentralize access to customer data on the system, ensuring that no one department can access all customer information data;

- + Dữ liệu được mã hóa khi trao đổi với đối tác;

Data is encrypted when exchanged with partners;

- + Dữ liệu của khách hàng được backup thường xuyên.

Customer data is backed up regularly.

- Liên quan tới phương án xử lý khi xảy ra sự cố bảo mật, SSV có quy trình về ứng phó sự cố an toàn bảo mật.

Regarding solutions when security incidents occur, SSV has a process for responding to security incidents.

5.6. Rủi ro tuân thủ/ *Compliance risk*

- Rủi ro tuân thủ là rủi ro mà Công ty phải đối mặt trong trường hợp Công ty, nhân viên của Công ty vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Công ty, vi phạm các Quy định nội bộ, Quy trình nghiệp vụ, Quy chế, kể cả các Quy định về đạo đức nghề nghiệp.

Compliance risk is the risk that the Company has to face in case the Company or its employees violate or fail to comply with the provisions of law, as stipulated in the company Charter, violate internal business processes and rules, including the rules of professional ethics.

- Phòng ngừa, hạn chế rủi ro tuân thủ được xem là công tác quan trọng của SSV. Một số biện pháp được Công ty thực hiện nhằm phòng ngừa rủi ro tuân thủ bao gồm:

Preventing and minimizing compliance risk is considered an important work for the Company. Some measures implemented to prevent compliance risks include:

- + Thiết kế quy trình, bộ máy vận hành có sự kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các cá nhân, bộ phận: các quy trình nghiệp vụ và bộ máy hoạt động được thiết kế với mục đích có sự kiểm tra chéo lẫn nhau để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế sự lạm quyền và sớm phát hiện các sai phạm có thể xảy ra;

Design process and operating system that can cross-examine between employees and business units: The business processes and operational apparatus is designed with the purpose of cross-checking to strengthen inspection and supervision, limiting abuses and detect violations that can occur;

- + Nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên: Công tác đào tạo, tuyên truyền về tuân thủ được chú trọng. Nhân viên mới được tuyển dụng đều được đào tạo, phổ biến về các quy trình, quy chế chung và các quy định đặc biệt có liên quan đến công việc của mình;

Raising awareness of compliance: Training focuses on compliance. Newly recruited staff must be trained and disseminated on procedures and general rules and regulations specifically related to their work;

- + Thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ;

Set up test systems and internal monitoring;

- + Áp dụng kỷ luật nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty.

Apply strict punishment with violations of the provisions of the Company.

5.7. Rủi ro danh tiếng/ *Reputational risk*

- Rủi ro danh tiếng chính là những tổn thất, thiệt hại về giá trị do sự thay đổi trong quan niệm của Khách hàng về Công ty, có thể ảnh hưởng lớn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ, cũng như các hoạt động chung của toàn Công ty.

Reputation risks are the losses and damages of value due to changes in the Clients' perception of the Company. These changes can affect the demand for products and services, as well as the general operations of the company.

- Danh tiếng không chỉ đến từ các hình ảnh, thông tin của SSV trên các kênh truyền thông bên ngoài cũng như nội bộ, mà chính là các sản phẩm, dịch vụ, các tương tác dù là nhỏ nhất giữa đại diện hình ảnh SSV và khách hàng.

Branding is not only pictures, information of SSV on external and internal communication channels, but also the smallest products, services, and interaction between SSV representatives and Clients.

- Khi có thông tin không chính xác về SSV được đưa ra công luận, SSV cũng luôn tuân theo tính minh bạch để xử lý: sẵn sàng đối thoại trực tiếp cùng công luận, đưa ra những thông tin xác thực và tin tưởng để giải quyết sự việc.

When incorrect information about SSV is published, SSV always adhere to transparency to handle: ready to talk directly with the public, give the authentic and reliable information to solve incidents.

- SSV đang xây dựng quy trình cụ thể về việc đính chính thông tin sai lệch về SSV trên phương tiện truyền thông với quy định cụ thể mọi nhân viên SSV đều có trách nhiệm thông báo ngay khi có thông tin sai lệch.

SSV is building process of correcting false information about the company on public media with specific regulations stipulating that all SSV's employees have the responsibility to inform the company once false information occurs.

5.8. Rủi ro quản trị nguồn nhân lực/ Human resources risk

- Nguồn nhân lực là tài sản quý nhất, là nhân tố tạo ra giá trị khác biệt của Công ty, SSV tiếp tục chú trọng việc phát triển chính sách và hoạt động quản lý nguồn nhân lực bài bản và toàn diện.

Human resources is a factor creating differentiated value for the company, SSV continue to focus on developing fundamental and comprehensive policy and human resources management operation.

- SSV xác định mình là một tổ chức thu hút và nuôi dưỡng nhân tài, sẵn sàng trao cơ hội để học, làm và cống hiến.

SSV define ourselves as an organization which attracts and nurtures talents. SSV ready to give them opportunities to learn, work and dedicate.

- SSV không ngừng nghiên cứu các chính sách đãi ngộ để đảm bảo sự hài lòng của nhân viên, tính công bằng trong nội bộ và cạnh tranh với thị trường, tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp cho nhân viên phát triển.

SSV is constantly researching ways to improve the remuneration policy to ensure fairness and competition in the internal market, while creating a professional work environment to foster staff development.

5.9. Rủi ro pháp lý/ Legal risk

- Rủi ro pháp lý xảy ra cho Công ty trong quá trình tuân thủ pháp luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc khi phát sinh tranh chấp, kiện cáo, từ các bên liên quan trong quá trình hoạt động hàng ngày của Công ty.

Legal risks for the Company occur during the observance of the law by changing regulations, non-compliance with regulations or when disputes arise among related parties in the course of everyday activities.

- Nhằm hạn chế rủi ro phát sinh do thay đổi pháp luật hoặc tuân thủ, SSV sử dụng Luật sư của Công ty cũng như dịch vụ tư vấn pháp luật của tổ chức tư vấn pháp lý chuyên nghiệp trong trường hợp cần thiết.

In order to limit risks arising from changes in the law or compliance, SSV consults its own legal team as well as professional legal consulting services.

- Bộ phận pháp chế và các đơn vị tư vấn có trách nhiệm cập nhật các văn bản pháp quy mới ban hành cho Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận có liên quan; nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật trong giai đoạn dự thảo sắp được ban hành đến các hoạt động của Công ty để có sự chuẩn bị thích hợp.

Legal team and the consultants are responsible for updating the changes in legal documents to the Board of Management and related parties; SSV studies in detail both the impact of new legislation and draft proposals, and prepares the Company for operational observance.

- Đồng thời, Bộ phận pháp chế cũng chịu trách nhiệm tham gia góp ý dự thảo các văn bản pháp quy có liên quan mật thiết đến hoạt động của Công ty được lấy ý kiến rộng rãi, tham gia các buổi hội thảo, phối hợp cùng các đơn vị trong ngành, thành viên các hiệp hội ngành nghề để góp ý chương trình xây dựng pháp luật, tổng kết các vướng mắc phát sinh từ việc áp dụng các quy định hiện tại để báo cáo Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đề xuất giải pháp khả thi.

At the same time, the legal team is also responsible for constructing public opinions on legal drafts related to the activities of the Company, participating in workshops, collaborating with members of professional associations and other groups for comments regarding legislative program, summing up the problems arising from the application of the existing rules, reporting to the competent State authorities and proposing possible solutions for those problems.

- Các quy trình, quy chế nội bộ của Công ty thường xuyên được rà soát để chỉnh sửa, cập nhật cho phù hợp với sự thay đổi của pháp luật.

Procedures and internal regulations of the Company are reviewed regularly and updated according to changes in the law.

- Tuân thủ pháp luật là một tiêu chí trong bộ đạo đức nghề nghiệp của Công ty được toàn thể Ban lãnh đạo, nhân viên Công ty cam kết thực hiện.

Compliance with the law is a criterion in the ethics code the Company's leaders and employees promise to follow.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM/ OPERATIONS IN THE YEAR

1. Tình hình hoạt động kinh doanh/ Situation of business operations

1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm/Results of business operations in the year

- Năm 2024, Công ty tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, bất chấp những biến động của thị trường. Chiến lược tập trung vào khách hàng cá nhân, đa dạng hóa sản phẩm và đầu tư vào nền tảng số đã mang lại kết quả tích cực trên nhiều chỉ tiêu tài chính.

In 2024, the Company maintained stable growth momentum despite market fluctuations. A strategic focus on individual clients, product diversification, and investment in digital infrastructure resulted in positive outcomes across key financial indicators.

- Tính đến thời điểm 31/12/2024, Công ty đã ghi nhận:

As on December 31, 2024, the Company recorded:

- + Doanh thu hoạt động là 609.837.896.912 đồng, tăng 95.172.684.315 đồng so với cùng kỳ năm 2023 (tương đương tăng 18%).

Revenue was 609.837.896.912 VND, increased 95.172.684.315 VND compared to year 2023 (an increase of 18%).

- + Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 168.696.146.180 đồng, tăng 23.688.972.479 đồng so với cùng kỳ năm 2023 (tương đương tăng 16%).

Profit before tax achieved 168.696.146.180 VND, increased 23.688.972.479 VND over the year 2023 (an increased of 16%).

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation progress to the plan*

- Doanh thu trong năm 2024 tăng 95.172.684.315 đồng (tương đương tăng 18%) chủ yếu đến từ: lãi từ bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), lãi từ cung cấp dịch vụ ký quỹ và ứng trước tiền bán.

Revenue in 2024 increased by 95.172.684.315 VND compared to last year (an increase of 18%), mainly came from: profit from the sale of financial assets measured at fair value through profit or loss (FVTPL), profit from margin lending and cash advance services.

- Chi phí hoạt động trong năm 2024 tăng 60.482.403.775 đồng so với cùng kỳ năm 2023 (tương đương tăng 19%) là do Công ty đẩy mạnh hoạt động môi giới, hoạt động giao dịch ký quỹ dẫn đến những chi phí liên quan tương ứng như chi phí lãi vay, chi phí cho hoạt động môi giới cũng tăng theo.

Operating expenses in 2024 increased significantly by 60.482.403.775 VND over 2023 (an increase of 19%) because the company invested more on brokerage activities, margin trading activities compared to last year leading to corresponding related expenses such as interest expenses, brokerage costs also increased accordingly.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2024 tăng 10.071.308.148 đồng so với năm 2023 do trong năm 2024, chi phí lương cho nhân viên tăng, số lượng nhân viên tăng và chi phí cho việc thuê văn phòng và mua sắm trang thiết bị cho văn phòng mới.

Business administration expenses increased 10.071.308.148 VND compared to last year in line with the increase in number of employees, salary as well as costs for renting office space and purchasing equipment for the new office.

2. Tổ chức và nhân sự/ Organization and Human resource

2.1. Danh sách Ban Tổng Giám đốc/List of the Board of Management

STT No.	Họ và tên Full name	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Chức vụ Position	Thời gian đảm nhiệm Appointment	Ghi chú Note
1	Han Bokhee	11/11/1974	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Chairman of MC cum General Director	14/08/2020 – nay August 14, 2020 – now	Thạc sĩ MBA
2	Yang Seungwon	18/12/1977	Phó Tổng Giám đốc Deputy General Director	28/04/2022 – nay April 28, 2022 – now	Cử nhân Bachelor

Kế toán trưởng/ Chief Accountant

Họ và tên Full name	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Chức vụ Position	Thời gian đảm nhiệm Appointment	Ghi chú Note
Nguyễn Thị Huệ Hương	16/04/1987	Kế toán trưởng Chief Accountant	08/03/2021 – nay March 08, 2021 – now	Cử nhân Bachelor

2.2. Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc/Changes in the Board of Management

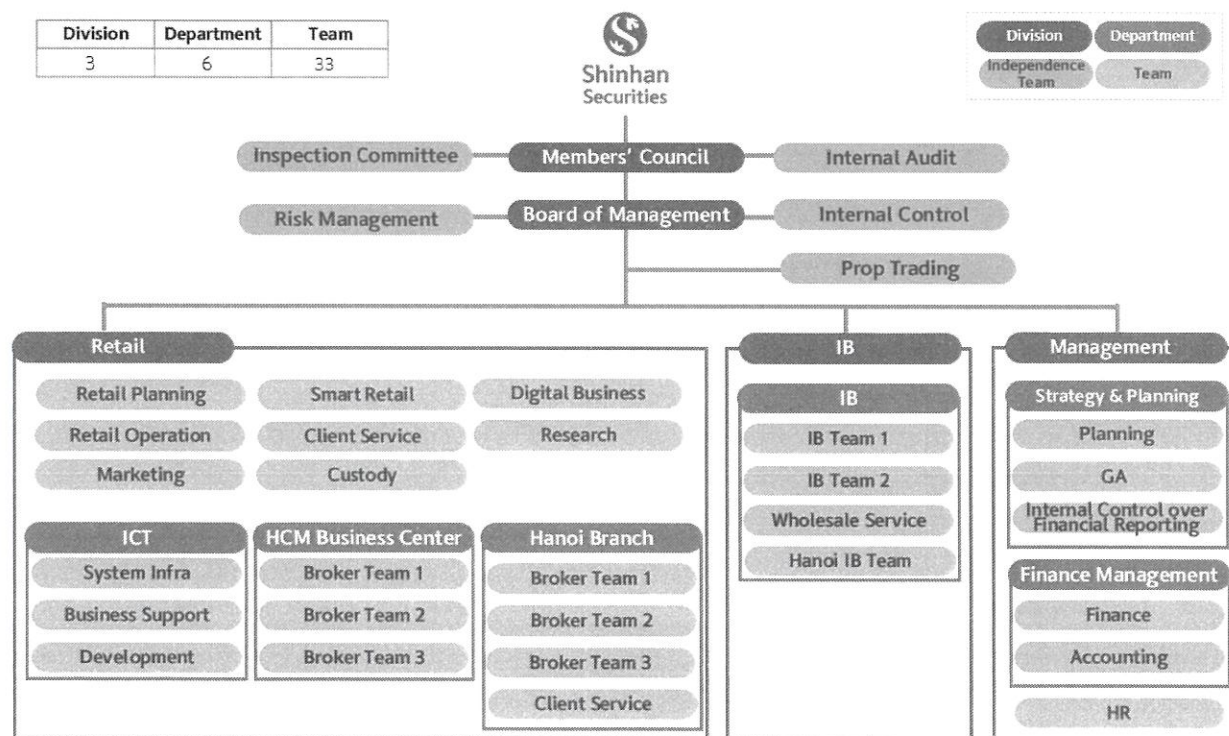
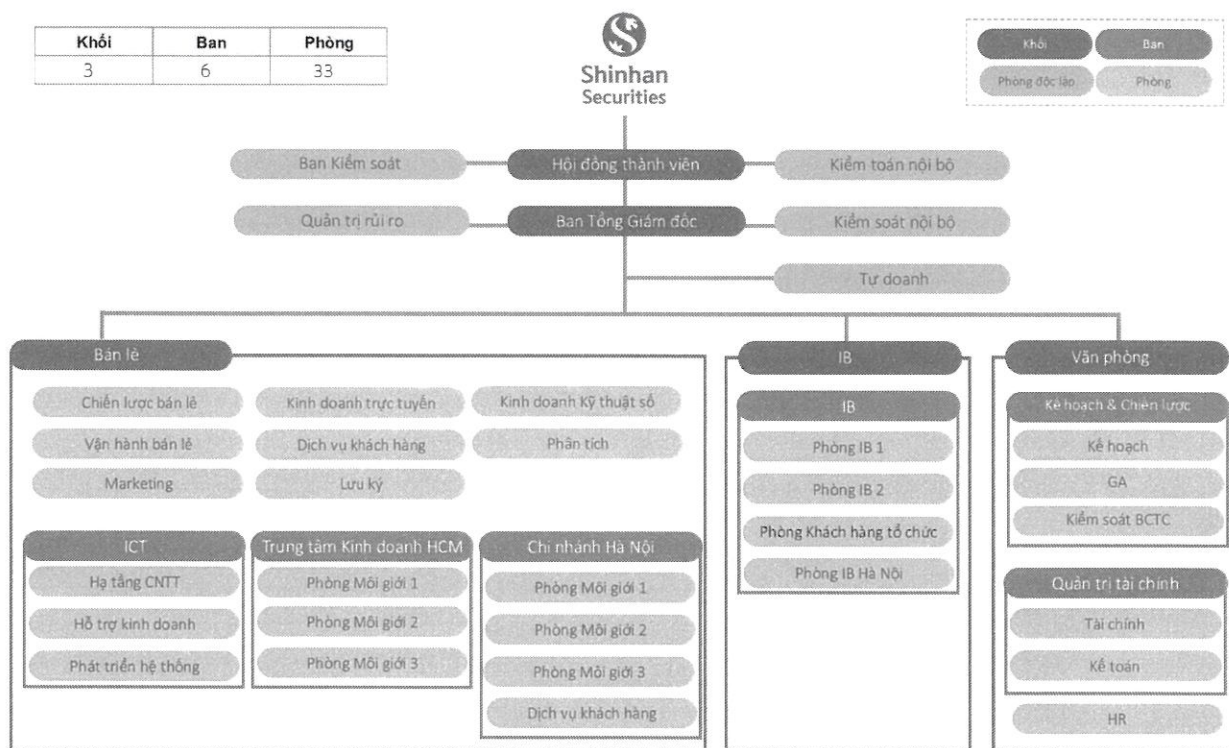
Họ và tên Full name	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Chức vụ Position	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ Qualification	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm Date of appointment/dismissal
Không./ None.				

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ Number of staffs. Brief information and changes on the HR policies

- Số lượng cán bộ, nhân viên SSV tính đến cuối năm 2024: 124 người
Number of staffs as on 31 December, 2024: 124 employees.
- Chính sách đối với người lao động tại Công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
Policies for employees at SSV are implemented in compliance with current law.

- Cơ cấu tổ chức nhân sự trong năm 2024

Personnel organization in the year 2024



3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ *Investment activities, project implementation*

3.1. Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*

Các khoản đầu tư lớn: tại ngày 31/12/2024 Công ty có khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng (2.204.833.174.997 VNĐ), chứng chỉ tiền gửi (528.000.000.000 VNĐ) và trái phiếu (383.000.000.000 VNĐ).

Major investments: on December 31st 2024, the Company has term deposits at the bank (VND 2.204.833.174.997), certificates of deposit (VND 528.000.000.000) and bonds (VND 383.000.000.000).

3.2. Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: Không/ *None*.

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

4.1. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

ĐVT/ *Unit*: VNĐ

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm/ <i>Year</i> 2023	Năm/ <i>Year</i> 2024	% tăng giảm/ <i>% change</i>
Tổng giá trị tài sản <i>Total asset</i>	6.666.414.986.875	7.382.835.363.315	11%
Doanh thu thuần <i>Net revenue</i>	514.665.212.597	609.837.896.912	18%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh <i>Profit from business activities</i>	145.650.577.753	168.696.146.180	16%
Lợi nhuận khác <i>Other profits</i>	(643.404.052)	(1.822.704.122)	-183%
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	145.007.173.701	168.696.146.180	16%
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	115.605.616.889	134.838.027.070	17%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial indicators*

ĐVT/ *Unit*: Lần/ *Time*

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	2023	2024	Ghi chú <i>Note</i>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset/Short term debt</i>	1.38	1.4	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>Capital Structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0.47	0.67	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)	0.88	2.07	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động <i>Operation Capability Ratio</i>			
+ Vòng quay tổng tài sản/ <i>Total asset turnover:</i> Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân <i>Net revenue/Average total assets</i>	0.09	0.09	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Profitability:</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần <i>Profit after tax/Net revenue ratio</i>	0.25	0.22	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu <i>Profit after tax/Total capital ratio</i>	0.04	0.06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản <i>Profit after tax/Total assets ratio</i>	0.02	0.02	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần <i>Profit from business activities/Net revenue ratio</i>	0.32	0.28	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity

5.1. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu/ Shareholders structure

STT No.	Tên tổ chức Name	Quốc tịch Nationality	Số vốn góp (VNĐ) Contributed capital (VND)	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ/ Ratio
1	Shinhan Securities Co., Ltd.	Hàn Quốc/ Korean	1.912.600.000.000	100%

5.2. Tình hình thay đổi vốn điều lệ/ Change of charter capital

Ngày/ Date	Vốn điều lệ (VNĐ)/ Charter capital (VND)	Số giấy phép/ License No.
04/02/2016	146.000.000.000	123/GP-UBCK
27/12/2017	812.600.000.000	62/GPĐC-UBCK
27/12/2021	1.912.600.000.000	124/GPĐC-UBCK

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

6.1. Năng lượng và nước/ Energy and Water

Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính chứng khoán, các hoạt động của SSV không gây tác động trực tiếp đến môi trường. Tuy nhiên, chúng tôi luôn cố gắng kiểm soát sử dụng tiết kiệm điện và nước, luôn tuân thủ quy định về phân loại rác thải và xử lý nước thải của Ban quản lý tòa nhà.

As an enterprise operating in the field of finance and securities, SSV's activities do not have a direct impact on the environment. However, we always try to control and save electricity and water, strictly comply with the regulations on waste classification and wastewater treatment of the Building Management.

6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.: None.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: None.

6.3. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
Number of employees, average wages of workers:

Tính đến ngày 31/12/2024, số nhân viên tại Công ty là 124 người với mức lương trung bình là VND 34,326,878/người lao động/tháng.

As of December 31, 2024, the number of employees at the Company is 124 employees; average wages of worker is VND 34,326,878 employee/month.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers:
 - + Nhân viên làm tại Công ty được hưởng đầy đủ các chế độ quyền lợi theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
Employee working at the Company have all right and benefit according law to ensure health, safety and welfare.
 - + Ngoài ra, Công ty còn có các chính sách phúc lợi cho người lao động như: tổ chức sinh nhật, quà cho nhân viên vào các ngày lễ (8/3, 20/10, Giáng sinh, Tết dương lịch), bảo hiểm sức khỏe, chế độ cưới hỏi, thai sản...), số ngày nghỉ phép là 17 ngày (bao gồm 01 ngày nghỉ sinh nhật), trao giải thưởng cho nhân viên xuất sắc, áp dụng các chương trình/chính sách ưu đãi cho nhân viên...
Besides the policies of salary and bonus under the Labor Code and the Company's regulations, the Company also has welfare policies for employees such as birthday party and gifts for employees on holidays (8/3, 20/10, Christmas, Solar New Year's Day), health insurance, wedding, maternity ...), annual leave per year is 17 days (including 01 day off for birthday), reward to the best employees, apply the special policy/ product to employee...
- Hoạt động đào tạo người lao động
Employee training:
 - + Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 5 giờ/năm;
The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff: 5 hours per year;

- + Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp;

The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development;

- + Công ty tổ chức các chương trình huấn luyện, đào tạo cho người lao động về kỹ năng nghiệp vụ, công nghệ thông tin, phòng chống rửa tiền, giúp nhân viên nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.

The Company organizes many programs for employee on operation skill, IT training, AML training to support employee growth and professional development.

6.4. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Report on green capital market activities under the guidance of the SSC

Không tham gia thị trường vốn xanh.

Not participating in capital market.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC/ REPORTS AND ASSESSMENTS OF THE BOARD OF MANAGEMENT

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh/ Assessment of operating results

1.1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh/ Business Result

ĐVT/Unit: VND

Các chỉ tiêu/ Items	2024	2023	Tăng/Giảm Increase/Decrease	
			Giá trị/ Value	% chênh lệch % variance
I. Doanh thu hoạt động Revenue	609.837.896.912	514.665.212.597	95.172.684.315	18%
II. Chi phí hoạt động Operating expense	371.531.905.922	311.049.502.147	60.482.403.775	19%
III. Doanh thu hoạt động tài chính Financial income	801.213.010	557.287.963	243.925.047	44%
IV. Chi phí tài chính Financial expense	619.327.946	624.703.056	(5.375.110)	-1%
VI. Chi phí quản lý General and administration expense	67.969.025.752	57.897.717.604	10.071.308.148	17%
VII. Kết quả hoạt động Operating result	170.518.850.302	145.650.577.753	24.868.272.549	17%
VIII. Thu nhập khác và chi phí khác Other income and expense	(1.822.704.122)	(643.404.052)	(1.179.300.070)	-183%

IX. Tổng lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	168.696.146.180	145.007.173.701	23.688.972.479	16%
X. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) <i>Corporate income tax</i>	33.858.119.110	29.401.556.812	4.456.562.298	15%
XI. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN <i>Profit after tax</i>	134.838.027.070	115.605.616.889	19.232.410.181	17%

1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được/ *The Company's achievements*

- **Mở rộng mảng bán lẻ và tăng trưởng doanh thu bền vững:** từ năm 2020, Công ty tập trung mở rộng mảng bán lẻ nhằm đa dạng hóa nguồn thu và mở rộng cơ sở khách hàng. Trong giai đoạn 2020–2024, doanh thu từ hoạt động bán lẻ ghi nhận CAGR 55%, phản ánh hiệu quả trong chiến lược tiếp cận thị trường. Công ty tiếp tục hoàn thiện sản phẩm và trải nghiệm người dùng, hướng đến xây dựng nền tảng dịch vụ tài chính toàn diện cho khách hàng cá nhân.

Retail Expansion and Sustainable Growth: Since 2020, the Company has prioritized retail business expansion as a key growth driver. During the 2020–2024 period, retail revenue recorded a compound annual growth rate (CAGR) of 55%, highlighting the success of this strategic focus. Continued investment in product offerings and customer experience has supported the development of a more complete and accessible financial service platform for retail clients.

- **Đổi mới số và nâng cấp hệ thống:** Công ty đẩy mạnh chuyển đổi số thông qua triển khai hệ thống giao dịch mới (MTS), tích hợp sản phẩm phái sinh, quỹ và các công cụ AI. Đồng thời, đội ngũ AI cũng được thành lập để phát triển chatbot nội bộ và giải pháp giao dịch ủy thác ứng dụng công nghệ. Hợp tác chiến lược với công ty đối tác đang được thúc đẩy, bao gồm kế hoạch mua lại nhằm nâng cao năng lực công nghệ và mở rộng kết nối nền tảng.

Digital Innovation and System Upgrades: Digital transformation accelerated with the launch of the next-generation trading system (MTS), integrating new products such as derivatives and mutual funds, along with AI-powered trading features. An in-house AI team was established to develop internal tools, including chatbots and AI-based discretionary trading solutions. Strategic collaborations with partner companies are being promoted, including ongoing equity acquisition discussions, to internalize key technologies and strengthen platform connectivity.

- **Mở rộng cơ sở khách hàng chiến lược (UHNW & khách hàng cá nhân tiềm năng):** Năm 2024, Công ty tăng cường năng lực kinh doanh thông qua việc thành lập các đội ngũ bán hàng mới tại HCM và Hà Nội, tập trung vào nhóm khách hàng chiến lược. Các hoạt động marketing được đẩy mạnh với nội dung truyền thông KOL, chương trình ưu đãi miễn phí giao dịch trọn đời nhằm thu hút và giữ chân khách hàng mục tiêu.

Expansion of Strategic Client Base (UHNW & Mass Affluent): In 2024, the Company expanded its sales force by launching new teams in Ho Chi Minh City and Hanoi focused on high-value clients. Concurrently, marketing efforts were strengthened through KOL-based media campaigns and customer acquisition initiatives such as lifetime zero-fee trading, aimed at boosting brand visibility and broadening the retail investor base.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation**2.1. Tình hình tài sản/ Assets**

- Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 7.382.835.363.315 đồng, tăng 11% so với năm 2023 do trong năm Công ty đẩy mạnh mảng kinh doanh bán lẻ bằng hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, doanh thu và lợi nhuận trong kỳ theo đó gia tăng. Cơ cấu tài sản chủ yếu tập trung ở tài sản tài chính 98,6% và tài sản cố định chiếm 0,7%, các tài sản khác chỉ chiếm 0,7%.

Total assets of the company as at December 31, 2024 was 7.382.835.363.315 VND, increased 11% compared to 2023 because the company promoted margin activities, profit therefore increased through out the year as a result. The structure of assets mainly remains as financial assets accounted for 98.6%, the fixed assets accounted for 0.7%, other assets only accounted for 0.7%.

- Cơ cấu nguồn vốn gồm vốn chủ sở hữu chiếm 32,6%. Nợ phải trả khác chiếm 67,4%.

Capital structure includes shareholder's equity which accounted for 32.6% and liabilities accounted for 67.4%.

2.2. Tình hình nợ phải trả/ Debt payable

Cuối năm 2024, Công ty có dư nợ vay ngắn hạn: 4.928.259.562.447 VND.

At the end of 2024, the Company had short-term loans 4.928.259.562.447 VND.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, and management

- Trong năm 2024, Công ty đã triển khai đồng bộ các hoạt động rà soát và cải tiến hệ thống quản trị theo định hướng của Tập đoàn và Công ty mẹ, tập trung vào các lĩnh vực kiểm toán nội bộ, tuân thủ phòng chống rửa tiền và bảo mật thông tin. Qua đó, năng lực kiểm soát và tính tuân thủ trong toàn hệ thống được củng cố đáng kể.

The Company conducted a comprehensive review and improvement of internal governance in alignment with guidelines from the parent group, with a focus on internal audit, anti-money laundering (AML) compliance, and information security. These efforts reinforced risk control and regulatory compliance across the organization.

- Bên cạnh đó, Công ty hoàn thiện cấu trúc kiểm soát nội bộ thông qua việc thành lập Phòng kiểm soát nội bộ báo cáo tài chính, đã đi thực hiện chức năng trong năm 2024. Đồng thời, Phòng Quản lý rủi ro được tăng cường tính độc lập trong vận hành; Ủy ban Quản trị rủi ro tiếp tục được nâng cao vai trò, nhằm củng cố hiệu quả giám sát rủi ro trên các hoạt động của Công ty.

In addition, the Company has completed the internal control structure through the establishment of the Internal Control team of Financial Reporting, which has been put into operation in 2024. At the same time, the Risk Management team has been strengthened in its operational independence; the Risk Management Committee continues to enhance its role, in order to strengthen the effectiveness of risk monitoring in the Company's operations.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in future

Trong năm 2025, Công ty định hướng triển khai chiến lược phát triển toàn diện trên ba trụ cột chính, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn:

In 2025, the Company will pursue comprehensive development across three strategic pillars to enhance competitiveness and lay a foundation for sustainable long-term growth:

- Trước tiên, Công ty tiếp tục thúc đẩy chuyển đổi số thông qua việc nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), từng bước xây dựng hạ tầng công nghệ tài chính (Fintech) hiện đại nhằm gia tăng hiệu quả vận hành và khả năng cung cấp dịch vụ số.

First, digital transformation will continue through the application of advanced technologies, especially artificial intelligence (AI), to build a modern financial infrastructure and improve operational efficiency.

- Thứ hai, Công ty định hướng nâng cao giá trị khách hàng thông qua cách tiếp cận dựa trên nhu cầu phân khúc và mở rộng danh mục sản phẩm, từ đó từng bước xây dựng giải pháp tài chính phù hợp, đáp ứng kỳ vọng đa dạng của từng nhóm khách hàng. Đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông và xây dựng thương hiệu trên cơ sở chiến lược định vị rõ ràng.

Second, the Company aims to enhance customer value by adopting a segmented client approach and expanding its product suite, aligning with the needs of increasingly diverse investor profiles. Strategic marketing and brand positioning will also be reinforced.

- Cuối cùng, Công ty chú trọng hoàn thiện hệ thống quản trị điều hành, trong đó tập trung vào việc củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ và chú trọng vận hành hệ thống quản lý rủi ro hoạt động ổn định, chủ động và thích ứng với bối cảnh thị trường thay đổi nhanh chóng.

Finally, the Company focuses on perfecting the management and operation system, focusing on strengthening the internal control system and focusing on operating the risk management system to be stable, proactive and adaptable to the rapidly changing market context.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)/ Explanation from Board of Management for audit opinions (if any)

Không./ None.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY/ CORPORATE GOVERNANCE

1. Hội đồng thành viên/ Members' Council

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng thành viên/ Members and structure of Members' Council:

STT No.	Thành viên HĐTV MC members	Chức vụ Position	Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Đại diện phần vốn góp Representative for contributed capital
1	Han Bok Hee	Chủ tịch HĐTV <i>Chairman of Members' Council</i>	02/06/2020	40%
2	Yang Seungwon	Thành viên HĐTV <i>Member of Members' Council</i>	02/06/2020	30%
3	Lee Changhwan	Thành viên HĐTV <i>Member of Members' Council</i>	04/09/2024	30%

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng thành viên/ The committees of the Members' Council:

Trực thuộc Hội đồng thành viên theo cấu trúc quản trị hiện tại của Công ty gồm có:

Under Members' Council according to the company's current governance structure are:

- Ban Kiểm soát: Chịu trách nhiệm rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc; Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

Inspection Committee: is responsible for reviewing contracts and transactions with affiliated person subject to approval by the Members' Council and Board of Management; Reviewing, inspecting and evaluate the effectiveness of internal control system, internal audit, risk management and early warning of the Company.

- Kiểm toán nội bộ: chịu trách nhiệm rà soát hệ thống vận hành, mọi hoạt động của Công ty, độc lập với Ban Tổng Giám đốc đánh giá tính hiệu quả hoặc khuyến nghị những sửa đổi, bổ sung trong hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận nghiệp vụ trong Công ty.

Internal Audit: responsible for reviewing the operations system, all activities of the Company, independently of the Board of Management to evaluate the effectiveness or recommend amendments and supplements to the operations of the Board of Management and professional teams/departments in the Company.

1.3. Hoạt động của Hội đồng thành viên/ Activities of the Members' Council:

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
1	01/2024/ NQ-HĐTV	26/01/2024	- Thực hiện Quyết định số 01/2024/QĐ-CSH của Chủ sở hữu về việc thành lập Ban Kiểm soát trực thuộc Hội đồng thành viên. <i>To implement Decision No. 01/2024/QĐ-CSH of the Owner on establishing Inspection Committee under Members' Council.</i> - Bổ nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát. <i>To appoint the Chief of Inspection Committee.</i> - Thông qua nội dung Báo cáo tài chính quý 4 năm 2023. <i>To go through the content of the Financial Statement in Q4/2023 of the Company.</i> - Thông qua nội dung báo cáo Phòng chống rửa tiền Quý 4 năm 2023. <i>To go through the content of the Quarterly AML Report in Q4/2023.</i>	100%
2	02/2024/ NQ-HĐTV	17/04/2024	- Thông qua nội dung Báo cáo kiểm toán nội bộ về hoạt động Phòng chống rửa tiền năm 2023. <i>To go through the content of the Report of Internal Audit for Anti money laundering in 2023.</i> - Thông qua nội dung Quy chế làm việc của Ban Kiểm soát. <i>To go through the content of the Rule of Inspection Committee.</i> - Thông qua nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Công ty. <i>To go through the content of the audited Financial Statement in year 2023 of the Company.</i> - Thông qua nội dung báo cáo Phòng chống rửa tiền Quý 1 năm 2024. <i>To go through the content of the Quarterly AML Report in Q1/2024.</i> - Thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính. <i>To go through changing the location of Head Office.</i>	100%

3	03/2024/ NQ-HĐTV	02/05/2024	Thông qua khoản vay từ Chủ sở hữu của Công ty. <i>To go through the loan at Shinhan Securities Co., Ltd. – SSV's Owner.</i>	100%
4	04/2024/ NQ-HĐTV	24/06/2024	1. Chấp thuận nội dung Quy chế làm việc của Hội đồng thành viên. <i>To go through the content of the Rules of Members' Council.</i> 2. Chấp thuận nội dung Báo cáo tài chính Quý 1.2024 của Công ty. <i>To go through the content of the Financial Statement in Q1.2024 of the Company.</i>	100%
5	06/2024/ NQ-HĐTV	07/08/2024	Bổ sung Khoản 4.4 của Điều 4 – Phạm vi hoạt động kinh doanh tại Điều lệ Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam về việc chào bán sản phẩm tài chính theo quy định. <i>Add Clause 4.4 of Article 4 – Scope of business at SSV's Charter for Offering of financial products as regulations.</i>	100%
6	05/2024/ NQ-HĐTV	04/09/ 2024	1. Thông qua nội dung báo cáo Phòng chống rửa tiền Quý 2 năm 2024 của Công ty. <i>To go through the content of the Quarterly AML Report in Q2/2024 of the Company.</i> 2. Thông qua nội dung Báo cáo tài chính Quý 2.2024 và Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 của Công ty. <i>To go through the content of the Financial Statement in Q2.2024 and Financial Statement in half-year.2024 of the Company.</i> 3. Miễn nhiệm và bổ nhiệm chức danh chuyên viên Phòng Kiểm toán nội bộ từ ngày 04/09/2024. <i>Dismiss and appoint the position of specialist of Internal Audit team from 04/09/2024.</i>	100%
7	07/2024/ NQ-HĐTV	04/09/ 2024	Thực hiện theo Quyết định số 07/2024/QĐ-CSH của Chủ sở hữu về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên kể từ ngày 04/09/2024. <i>To dismiss and appoint member of Members' Council according to Owner's Decision No. 07/2024/QĐ-CSH from 04/09/2024.</i>	100%

8	08/2024/ NQ-HĐTV	06/09/ 2024	1. Chấp thuận thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, bao gồm: Môi giới chứng khoán phái sinh; Tự doanh chứng khoán phái sinh; Tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh. <i>Approve to trade securities derivatives, including: derivative brokerage; derivative securities proprietary trading; derivative investment consulting.</i> 2. Chấp thuận thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ chứng khoán, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh. <i>Approve to provide the derivative clearing and settlement service.</i>	100%
9	09/2024/ NQ-HĐTV	30/09/ 2024	1. Thông qua việc (i) chào bán chứng quyền của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam trong năm 2024; (ii) đăng ký lưu ký chứng quyền tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết chứng quyền trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật. <i>Approve (i) covered warrants offering of Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. in 2024; (ii) registration for warrant depository at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation ("VSDC") and warrant listing at Ho Chi Minh City Stock Exchange ("HOSE") according to the laws.</i> 2. Giao và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc quyết định và thực hiện các vấn đề liên quan. <i>Delegate and authorize the Chairman of MC cum General Director to make decision and implement related works.</i>	100%
10	10/2024/ NQ-HĐTV	04/11/ 2024	1. Chấp thuận nội dung báo cáo Phòng chống rửa tiền Quý 3 năm 2024 của Công ty. <i>Approve the content of the Quarterly AML Report in Q3.2024 of the Company.</i> 2. Chấp thuận nội dung Báo cáo tài chính Quý 3.2024. <i>Approve the content of the Financial Statement in Q3.2024.</i> 3. Chấp thuận nội dung Chính sách Quản trị Rủi ro. <i>Approve the content of the Risk Management Policy.</i>	100%

2. **Ban Kiểm soát/Inspection Committee**

2.1. **Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát/ Information about members of Inspection Committee**

STT No.	Thành viên Ban Kiểm soát <i>Inspection Committee Member</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ban Kiểm soát <i>Date of becoming/ceasing to be member of Inspection Committee</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
1	Kang Seungho	Trưởng Ban Kiểm soát <i>Chief of Inspection Committee</i>	Bổ nhiệm/ <i>Appointed:</i> 26/01/2024	Thạc sĩ <i>Master</i>

2.2. **Hoạt động của Ban Kiểm soát/Operations of Inspection Committee**

- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc.

Inspection Committee is directly under the Members' Council, reviews contracts and transactions with affiliated person subject to approval by the Member's Council and Board of Management.

- Đánh giá kế hoạch và báo cáo hoạt động hàng năm của Phòng Kiểm soát Báo cáo Tài chính.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

Review yearly plan and yearly activities report of the Internal Control Financial Reporting.

- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của HĐQTV.

Inspect accounting books, accounting records, other documents of the Company, the Company's administration where necessary or under resolutions of Members' Council.

- Kiến nghị Hội đồng thành viên hoặc Ban Tổng Giám đốc biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Proposes changes or improvements to the Company's organizational structure and administration to the Members' Council or Board of Management.

3. **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc/ Transactions, remunerations and benefits of the Members' Council and the Board of Management**

3.1. **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm 2024/ Salary, rewards, remuneration and benefits in 2024**

- Hội đồng thành viên: Không nhận thù lao.

Members' Council: No remuneration and benefits.

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

Income of Board of Management:

Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT <i>General Director cum Chairman of MC</i>	5,156,840,067 VND
Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT <i>Deputy General Director cum Member of MC</i>	5,387,958,553 VND

3.2. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*

Stt No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. * date of issue, place of issue</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT thông qua <i>No. of Resolution or Decision approved by MC</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value</i>
1	Shinhan Securities Co., Ltd.	Chủ sở hữu <i>Owner</i>	116-81-36684 do Phòng thuế Yeongdeungpo cấp/ issued by <i>Yeongdeungpo Tax Division</i>	07/02/2024	/	Phụ lục 01 điều chỉnh thời hạn khoản vay của Hợp đồng vay ký ngày 27/04/2023 <i>Appendix 01 adjusting the loan period of Loan Agreement signed on 27/04/2023</i>
2	Shinhan Securities Co., Ltd.	Chủ sở hữu <i>Owner</i>	116-81-36684 do Phòng thuế Yeongdeungpo cấp/ issued by <i>Yeongdeungpo Tax Division</i>	02/05/2024	03/2024/NQ- HĐTV ngày/ <i>dated 02/05/2024</i>	Khoản vay 20.000.000 USD 20.000.000 USD loan

3.3. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty/ *Assessing the implementation of regulations on corporate governance*

Chủ sở hữu giao cho Hội đồng thành viên, nhân danh Chủ sở hữu, để ra quyết định và thực hiện các quyền của Chủ sở hữu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Mọi hoạt động trọng yếu của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên đều được báo cáo đầy đủ và kịp thời với Chủ sở hữu.

The Owner assigns the Members' Council, for and on behalf of the Owner, to make decisions and exercise the Owner's rights according to law and Company's Charter. All key activities of the Company under the decision-making authority of the Members' Council are fully and promptly reported to the Owner.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ *FINANCIAL STATEMENTS***1. Ý kiến kiểm toán/ *Auditor's opinions***

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Chi nhánh Công ty TNHH KPMG.

Independent audited unit: KPMG Limited Branch.

- Ý kiến kiểm toán trên Báo cáo tài chính năm 2024: Chấp nhận toàn phần.

Auditor's opinion on Financial Statement year 2024: Unqualified opinion.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/ *Audited financial statements*

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Audited annual financial statements in year 2024 includes: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation.

Chi tiết đính kèm theo Báo cáo thường niên.

Details as attached file.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



HAN BOKHEE
Chủ tịch Hội đồng thành viên
Chairman of Members' Council



Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

123/GP-UBCK

ngày 4 tháng 2 năm 2016

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 62/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 8 năm 2024. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

0305374994

ngày 4 tháng 2 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0305374994 ngày 23 tháng 8 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Han BokHee
Ông Yang SeungWon
Ông Lee ChangHwan

Ông Oh Kyoungjae

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 4 tháng 9 năm 2024)
Thành viên
(đến ngày 4 tháng 9 năm 2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Han BokHee
Ông Yang SeungWon

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Han BokHee

Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Trụ sở chính

Tầng 18, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng
tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1
Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Phường Thủ Thiêm
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội

Lầu 2, Tòa nhà LeadVisors Place
Số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

42-0
HÀ
TY T
MG
HỒ C

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông Han BokHee
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

42-
NH
TY
PN
H

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Nhà đầu tư Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00376-25-1

Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2023-007-1
Phó Tổng Giám Đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
	TÀI SẢN				
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		6.974.004.039.648	6.065.330.943.404
I	Tài sản tài chính	110		6.968.116.623.917	6.059.396.990.338
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	505.187.855.378	471.368.955.281
1.1	Tiền	111.1		255.187.855.378	471.368.955.281
1.2	Tương đương tiền	111.2		250.000.000.000	-
2	Các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận theo lãi/lỗ (“FVTPL”)	112	6(a)	293.947.693.700	208.133.916.720
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113	6(b)	2.304.833.174.997	2.171.953.463.541
4	Các khoản cho vay	114	6(c)	3.763.996.719.019	3.097.846.541.608
7	Các khoản phải thu ngắn hạn	117		97.677.599.361	108.807.928.146
7.1	Phải thu từ bán TSTC	117.1		18.402.000	-
7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các TSTC	117.2	7	97.659.197.361	108.807.928.146
8	Trả trước cho người bán ngắn hạn	118		958.823.182	252.304.800
9	Phải thu các dịch vụ cung cấp	119		1.018.519.431	918.824.776
12	Các khoản phải thu khác	122		496.238.849	115.055.466
II	Tài sản ngắn hạn khác	130		5.887.415.731	5.933.953.066
1	Tạm ứng	131		-	7.000.000
2	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		256.090.000	61.494.000
3	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	8(a)	5.271.407.731	5.529.248.066
4	Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	13(a)	359.918.000	336.211.000
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		408.831.323.667	601.084.043.471
I	Tài sản tài chính dài hạn	210		328.160.443.113	535.160.443.113
2.	Các khoản đầu tư	212		328.160.443.113	535.160.443.113
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1	6(b)	283.000.000.000	490.000.000.000
2.4	Đầu tư dài hạn khác	212.4	9	45.160.443.113	45.160.443.113
II	Tài sản cố định	220		54.955.036.820	56.741.055.361
1	Tài sản cố định hữu hình	221	10	19.247.683.233	19.445.457.120
	Nguyên giá	222		48.198.185.403	48.771.529.471
	Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(28.950.502.170)	(29.326.072.351)
3	Tài sản cố định vô hình	227	11	35.707.353.587	37.295.598.241
	Nguyên giá	228		51.386.433.488	48.425.277.488
	Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(15.679.079.901)	(11.129.679.247)
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	12	4.303.542.000	355.383.380
V	Tài sản dài hạn khác	250		21.412.301.734	8.827.161.617
1	Ký quỹ, ký cược dài hạn	251	13(b)	5.312.327.606	2.260.498.600
2	Chi phí trả trước dài hạn	252	8(b)	10.336.067.712	3.302.756.601
4	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	14	5.763.906.416	3.263.906.416
	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.382.835.363.315	6.666.414.986.875

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
C	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		4.976.710.721.934	4.395.128.372.564
I	Nợ phải trả ngắn hạn	310		4.976.710.721.934	4.395.128.372.564
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		4.928.259.562.447	4.343.494.999.980
1.1	Vay ngắn hạn	312	15	4.928.259.562.447	4.343.494.999.980
6	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	16	1.358.580.796	1.061.069.985
8	Phải trả người bán ngắn hạn	320	17	6.932.719.156	1.529.059.162
10	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	18	7.424.448.737	12.191.406.928
13	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	19	32.395.604.925	36.808.606.827
17	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	329		339.805.873	43.229.682
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.406.124.641.381	2.271.286.614.311
I	Vốn chủ sở hữu	410		2.406.124.641.381	2.271.286.614.311
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	1.912.600.000.000	1.912.600.000.000
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.912.600.000.000	1.912.600.000.000
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		7.589.402.954	7.589.402.954
5	Quỹ dự phòng tài chính	415		7.589.402.954	7.589.402.954
7	Lợi nhuận chưa phân phối	417		478.345.835.473	343.507.808.403
7.1	Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		478.489.009.339	343.420.699.640
7.2	(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(143.173.866)	87.108.763
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)		440		7.382.835.363.315	6.666.414.986.875

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B01 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

	Mã số	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY			
5 Ngoại tệ các loại (USD)	005	200	-
8 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) của Công ty	008	300.136.200.000	37.250.000
9 TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Công ty	009	100.000	450.000
10 TSTC chờ về của công ty chứng khoán	010	25.288.000	-
12 TSTC chưa lưu ký tại VSDC của Công ty	012	90.000.000.000	760.000.000.000
13 TSTC được hưởng của Công ty	013	179.030.000	-
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
1 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của nhà đầu tư/khách hàng	021	7.561.996.260.000	6.746.603.710.000
a TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1	6.724.377.530.000	5.002.645.240.000
b TSTC giao dịch cầm cố	021.3	757.104.700.000	1.420.096.230.000
d TSTC phong tỏa, tạm giữ	021.4	16.400.000.000	297.994.250.000
e TSTC chờ thanh toán	021.5	64.114.030.000	25.867.990.000
2 TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của nhà đầu tư/khách hàng	022	250.726.640.000	457.236.270.000
a TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1	706.640.000	207.236.270.000
b TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2	250.020.000.000	250.000.000.000
3 TSTC chờ về của nhà đầu tư/khách hàng	023	137.141.728.970	37.551.184.750
7 Tiền gửi của khách hàng	026	248.411.811.845	54.953.242.402
7.1 Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	242.893.244.741	51.333.391.545
7.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	4.136.081.957	3.592.518.345
7.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	1.267.819.992	7.063.579
a Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán nhà đầu tư trong nước	029.1	6.213.067	6.789.430
b Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán nhà đầu tư nước ngoài	029.2	1.261.606.925	274.149
7.4 Tiền của tổ chức phát hành chứng khoán	030	114.665.155	20.268.933

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B01 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
8 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	248.306.511.845	54.940.558.402
8.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	241.670.421.218	50.177.918.955
8.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	6.636.090.627	4.762.639.447
9 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	032	105.300.000	12.684.000

Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập:


Bà Huỳnh Thụy Hải Ngân
Nhân viên Kế toán

Người soát xét:


Bà Nguyễn Thị Huệ Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Ông Han BokHee
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B02 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
I DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận theo lãi hoặc lỗ (“FVTPL”)	01		21.933.380.848	454.206.608
<i>a Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.1	21	2.889.288.050	442.565.616
<i>b Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.2		511.095.770	10.047.062
<i>c Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.3		18.532.997.028	1.593.930
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	02		154.696.763.744	187.499.045.843
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		350.288.703.220	256.185.955.317
1.6 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		62.855.821.954	47.831.529.139
1.7 Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	22	5.920.000.000	5.975.000.000
1.8 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		-	4.085.000.000
1.9 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		2.395.738.297	1.944.597.707
1.10 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	23	11.200.635.455	10.495.454.546
1.11 Thu nhập hoạt động khác	11		546.853.394	194.423.437
Tổng doanh thu hoạt động	20		609.837.896.912	514.665.212.597
II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21		5.459.621.973	482.812.662
<i>a Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	21.1	21	3.700.555.045	491.106.580
<i>b Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	21.2		606.544.989	(8.733.918)
<i>c Chi phí giao dịch mua các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	21.3		1.152.521.939	440.000
2.4 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	24	210.503.847.015	200.233.251.229
2.6 Chi phí hoạt động tự doanh	26		1.152.197.202	-
2.7 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	25	137.963.282.391	90.231.742.748
2.8 Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	25	4.731.170.467	5.248.932.157
2.9 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	3.619.953.200
2.10 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	25	2.586.603.618	2.001.929.551
2.11 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	25	9.135.183.256	9.230.880.600
Tổng chi phí hoạt động	40		371.531.905.922	311.049.502.147

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu số B02 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
III		DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
3.1		Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	14.555.735
3.2		Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng	42	786.657.275
		Tổng doanh thu hoạt động tài chính	50	801.213.010
IV		CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
4.1		Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51	619.327.946
		Tổng chi phí tài chính	60	619.327.946
VI		CHI PHÍ QUẢN LÝ	62	26
VII		KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 – 40 – 60 – 62)	70	170.518.850.302
VIII		THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC		
8.1		Thu nhập khác	71	72.288.079
8.2		Chi phí khác	72	1.894.992.201
		Kết quả hoạt động khác (80 = 71 – 72)	80	(1.822.704.122)
IX		TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90	168.696.146.180
9.1		Lợi nhuận đã thực hiện	91	168.926.428.809
9.2		(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	92	(230.282.629)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu số B02 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

		Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
X	CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		33.858.119.110	29.401.556.812
10.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	27	33.858.119.110	29.401.556.812
10.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	27	-	-
XI	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 – 100)	200		134.838.027.070	115.605.616.889

Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bà Huỳnh Thụy Hải Ngân
 Nhân viên Kế toán

Người soát xét:



Bà Nguyễn Thị Huệ Hương
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Han BokHee
 Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	168.696.146.180	145.007.173.701
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	(146.744.488.738)	(46.925.744.854)
Khấu hao và phân bổ	03	9.285.679.597	9.133.028.170
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	05	(179.376.266)	(106.068.936)
Chi phí lãi vay	06	210.503.847.015	200.233.251.229
Lỗ từ hoạt động đầu tư	07	2.467.061.164	-
Dự thu tiền lãi	08	(368.821.700.248)	(256.185.955.317)
3 Thay đổi các chi phí phi tiền tệ	10	606.544.989	(8.733.918)
Lỗ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	606.544.989	(8.733.918)
4 Thay đổi các doanh thu phi tiền tệ	18	(511.095.770)	(10.047.062)
Lãi đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(511.095.770)	(10.047.062)
5 Tổng thay đổi vốn lưu động	30	(567.913.698.857)	(2.273.995.090.588)
Tăng TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	(85.909.226.199)	(208.000.000.000)
Giảm/(tăng) đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32	74.120.288.544	(490.939.463.541)
Tăng các khoản cho vay	33	(666.150.177.411)	(1.568.771.332.007)
Tăng các khoản phải thu từ việc bán TSTC	35	(18.402.000)	-
Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	379.970.431.033	210.094.159.020
Tăng các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	(99.694.655)	(266.752.248)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	39	(381.183.383)	65.033.936
Tăng các tài sản khác	40	(2.687.596.000)	(1.833.740.790)
Giảm chi phí phải trả	41	2.403.811.221	63.957.098
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	42	(6.375.950.776)	2.166.352.905
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	43	(37.459.007.840)	(24.537.412.750)
Tiền lãi đã trả	44	(226.354.391.238)	(189.276.865.223)
Tăng/(giảm) phải trả cho người bán	45	4.749.565.192	(1.227.020.130)
Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	(1.166.069.461)	(1.748.135.594)
Tăng các khoản phải trả khác	50	594.087.002	216.128.736
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	1.736.297.120	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(4.886.480.006)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (60 = 01 + 02 + 10 + 18 + 30)	60	(545,866,592,196)	(2.175.932.442.721)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B03 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(13.611.923.810)	(24.797.094.035)
Tiền thu từ bán tài sản cố định	62	68.363.636	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (70 = 61 + 62)	70	(13.543.560.174)	(24.797.094.035)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	14.617.516.734.979	11.055.389.273.497
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(14.024.287.682.512)	(8.562.589.273.517)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (80 = 73 + 74)	80	593.229.052.467	2.492.799.999.980
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)	90	33.818.900.097	292.070.463.224
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	471.368.955.281	179.298.492.057
▪ Tiền	101.1	471.368.955.281	6.792.190.687
▪ Các khoản tương đương tiền	101.2	-	172.506.301.370
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 5) (103 = 90 + 101)	103	505.187.855.378	471.368.955.281
▪ Tiền	103.1	255.187.855.378	471.368.955.281
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	250.000.000.000	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B03 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	2024 VND	2023 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	58.139.283.735.864	45.852.394.747.232
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(57.947.723.882.668)	(45.839.187.678.787)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	43.082.607.472.847	32.853.705.056.863
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(43.080.803.152.822)	(32.850.773.858.417)
Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	14	676.373.544.167	366.905.442.235
Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	15	(676.279.147.945)	(366.887.667.412)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	193.458.569.443	16.156.041.714
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng			
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31	54.953.242.402	38.797.200.688
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	32	51.333.391.545	38.128.817.210
▪ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	3.592.518.345	329.110.817
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	7.063.579	339.272.661
▪ Tiền gửi của tổ chức phát hành	35	20.268.933	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	248.411.811.845	54.953.242.402
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	248.411.811.845	54.932.973.469
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	242.893.244.741	51.333.391.545
▪ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	4.136.081.957	3.592.518.345
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	1.267.819.992	7.063.579
▪ Tiền gửi của tổ chức phát hành	45	114.665.155	20.268.933

Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bà Huỳnh Thụy Hải Ngân
Nhân viên Kế toán

Người soát xét:



Bà Nguyễn Thị Huệ Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:





Ông Han BokHee
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B04 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2023		Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2024		Biến động trong năm kết thúc ngày 31/12/2023		Biến động trong năm kết thúc ngày 31/12/2024		Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2023		Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2024	
	VND		VND		Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND	VND		VND	
Vốn góp	1.912.600.000.000		1.912.600.000.000		-	-	-	-	1.912.600.000.000		1.912.600.000.000	
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	7.589.402.954		7.589.402.954		-	-	-	-	7.589.402.945		7.589.402.954	
Quỹ dự phòng tài chính	7.589.402.954		7.589.402.954		-	-	-	-	7.589.402.945		7.589.402.954	
Lợi nhuận chưa phân phối	227.902.191.514		343.507.808.403		115.605.616.889	-	135.068.309.699	(230.282.629)	343.507.808.403		478.345.835.473	
Trong đó:												
Lợi nhuận đã thực hiện	228.085.590.126		343.420.699.640		115.335.109.514	-	135.068.309.699	-	343.420.699.640		478.489.009.339	
(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(183.398.612)		87.108.763		270.507.375	-	-	(230.282.629)	87.108.763		(143.173.866)	
Tổng cộng	2.155.680.997.422		2.271.286.614.311		115.605.616.889	-	135.068.309.699	(230.282.629)	2.271.286.614.311		2.406.124.641.381	

Người lập:



Bà Huỳnh Thụy Hải Ngân
Nhân viên Kế toán

Người soát xét:



Bà Nguyễn Thị Huệ Hương
Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người duyệt:



Ông Han BokHee
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 123/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 2 năm 2016. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 8 năm 2024 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 1.912.600.000.000 VND.

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, cho vay ký quỹ, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(d) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 102 nhân viên (31/12/2023: 92 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

00,
ÁN
TN
AG
CH

f
f
-
1
=

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) được trình bày ở Thuyết minh 3(d), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các TSTC sẵn sàng để bán: xem Thuyết minh 3(f); và
- Các khoản cho vay: xem Thuyết minh 3(g) và Thuyết minh 3(h);

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một khoản nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cẩn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là một công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phần lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với Công ty. Trong trường hợp không có giá giao dịch trong khoảng thời gian này, Công ty không trích lập dự phòng.

Đối với các loại chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn được phản ánh theo giá gốc trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy.

(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

112
CHI
ONG
KF
PHO

(g) Các khoản phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các khoản phải thu về cho vay bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng chênh lệch giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(h) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập bằng cách tham khảo tình trạng quá hạn như sau:

<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(i) Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ

Công ty thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với những khoản vay có gốc ngoại tệ thông qua việc ký kết các hợp đồng hoán đổi tiền tệ với các ngân hàng thương mại. Chênh lệch giữa số lượng tiền tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá ghi trên hợp đồng và số lượng tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá bán chuyển khoản giao ngay tại hiệu lực của các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của hợp đồng này.

(j) Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa	8 năm
▪ Máy móc, thiết bị	8 năm
▪ Dụng cụ quản lý	3 - 8 năm
▪ Nâng cấp tài sản thuê	3 - 8 năm

(k) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm.

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí của phần mềm máy vi tính chưa được lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, nâng cấp văn phòng là các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Nâng cấp văn phòng

Nâng cấp văn phòng được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(n) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 107/2023/NQ-QH15 về việc áp dụng Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (“IIR”) và Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (“QDMTT”). Các quy định này nhất quán và phù hợp với Quy định mẫu chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu Trụ cột 2 (“BEPS 2.0”) của OECD và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024. Nghị quyết quy định các tập đoàn đa quốc gia có quy mô lớn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức thuế suất tối thiểu toàn cầu là 15% trên lợi nhuận tại các quốc gia/vùng lãnh thổ mà tập đoàn hoạt động. Trong điều kiện các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này, Công ty đã xác định khoản thuế bổ sung tối thiểu toàn cầu phải nộp theo quy định của BEPS 2.0 là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp thuộc phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) số 17 – *Thuế thu nhập doanh nghiệp* và ghi nhận khoản này là thuế thu nhập hiện hành trong năm khi phát sinh, đồng thời lựa chọn không áp dụng kế toán thuế thu nhập hoãn lại đối với thuế bổ sung phát sinh do IIR và QDMTT.

(q) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(r) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC (“Thông tư 146”) ngày 6 tháng 4 năm 2014 ban hành bởi Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo Thông tư 114, số dư còn lại có thể được sử dụng như sau:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo Nghị quyết của Hội đồng Thành viên của Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính.

(s) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

120
II N
VG
KP
HỒ

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và mệnh giá của công cụ nợ khi đáo hạn.

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(iv) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

(v) Doanh thu từ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu từ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán là các khoản phí, hoa hồng hoặc chiết khấu mua chứng khoán. Doanh thu này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành dịch vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(vi) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(t) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.



(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.



(x) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư theo yêu cầu của Thông tư 334 do Bộ Tài chính ban hành không được thể hiện trên báo cáo tài chính này được hiểu có số dư bằng không.

4. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Ban Quản trị Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Tổng Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	505.187.855.378	471.368.921.802
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL – Chứng chỉ tiền gửi (ii)	278.000.000.000	208.000.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn (i)	2.204.833.174.997	1.901.953.463.541
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – trái phiếu doanh nghiệp (ii)	383.000.000.000	760.000.000.000
Các khoản cho vay (iii)	3.763.996.719.019	3.097.846.541.608
Các khoản phải thu ngắn hạn (iii)	97.677.599.361	108.807.928.146
Phải thu các dịch vụ cung cấp (iii)	1.018.519.431	918.824.776
Các khoản phải thu khác (iii)	496.238.849	115.055.466
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (iii)	5.763.906.416	3.263.906.416
Ký cược, ký quỹ (iii)	5.672.245.606	2.596.709.600
	7.245.646.259.057	6.554.871.351.355

(i) Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn

Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tín dụng danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tín dụng này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào loại chứng khoán nợ của các đối tác có xếp hạng tín nhiệm cao trên thị trường.

(iii) Các khoản phải thu về cho vay và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa. Hạn mức này được soát xét hàng năm.

Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản đảm bảo dựa trên đánh giá rủi ro tín dụng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc của Công ty theo dõi giá thị trường của các tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu về cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản cho vay phải thu và các khoản phải thu khác không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	4.928.259.562.447	4.976.461.651.757	4.976.461.651.757
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.358.580.796	1.358.580.796	1.358.580.796
Phải trả người bán ngắn hạn	6.932.719.156	6.932.719.156	6.932.719.156
Chi phí phải trả ngắn hạn	32.395.604.925	32.395.604.925	32.395.604.925
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	339.805.873	339.805.873	339.805.873
	4,969,286,273,197	5,017,488,362,507	5,017,488,362,507
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	4.343.494.999.980	4.399.930.449.525	4.399.930.449.525
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.061.069.985	1.061.069.985	1.061.069.985
Phải trả người bán ngắn hạn	1.529.059.162	1.529.059.162	1.529.059.162
Chi phí phải trả ngắn hạn	36.808.606.827	36.808.606.827	36.808.606.827
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	43.229.682	43.229.682	43.229.682
	4.382.936.965.636	4.439.372.415.181	4.439.372.415.181

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty cho rằng rủi ro liên quan đến nghĩa vụ nợ là thấp. Nó có thể huy động vốn và các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng có thể được gia hạn với những người cho vay hiện tại.



(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá chứng khoán vốn sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một khoản nợ ròng đáng kể bằng USD như được trình bày trong Thuyết minh 15. Tuy nhiên, Công ty đã ký kết các hợp đồng hoán đổi tiền tệ với các ngân hàng trong nước để khắc phục chi phí mua USD để trả nợ trong tương lai. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, rủi ro tiền tệ của Công ty được coi là không đáng kể.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	505.187.855.378	471.368.921.802
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL – Chứng chỉ tiền gửi	278.000.000.000	208.000.000.000
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.204.833.174.997	1,901,953,463,541
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – Trái phiếu doanh nghiệp	383.000.000.000	760,000,000,000
Các khoản cho vay – thuần	3.763.996.719.019	3.097.846.541.608
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	5.763.906.416	3.263.906.416
Vay ngắn hạn	4.928.259.562.447	4.343.494.999.980

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán vốn

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Tổng Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là không đáng kể vì Công ty nắm giữ danh mục TSTC ghi nhận theo FVTPL không trọng yếu.

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính như sau:

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ Cổ phiếu niêm yết	15.947.693.700	15.947.693.700	133.916.720	133.916.720
▪ Chứng chỉ tiền gửi	278.000.000.000	278.000.000.000	208.000.000.000	208.000.000.000
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.204.833.174.997	2.204.833.174.997	1.901.953.463.541	1.901.953.463.541
▪ Trái phiếu chưa niêm yết – ngắn hạn	100.000.000.000	100.000.000.000	270.000.000.000	270.000.000.000
▪ Trái phiếu chưa niêm yết – dài hạn	283.000.000.000	(*)	490.000.000.000	(*)
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	505.187.855.378	505.187.855.378	471.368.955.281	471.368.955.281
▪ Các khoản cho vay	3.763.996.719.019	3.763.996.719.019	3.097.846.541.608	3.097.846.541.608
▪ Các khoản phải thu ngắn hạn	97.677.599.361	97.677.599.361	108.807.928.146	108.807.928.146
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	1.018.519.431	1.018.519.431	918.824.776	918.824.776
▪ Các khoản phải thu khác	496.238.849	496.238.849	115.055.466	115.055.466
▪ Ký quỹ, ký cược - ngắn hạn	359.918.000	359.918.000	336.211.000	336.211.000
▪ Ký quỹ, ký cược - dài hạn	5.312.327.606	(*)	2.260.498.600	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	5.763.906.416	(*)	3.263.906.416	(*)
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</i>				
▪ Đầu tư dài hạn khác	45.160.443.113	(*)	45.160.443.113	(*)

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Vay ngắn hạn	(4.928.259.562.447)	(4.928.259.562.447)	(4.343.494.999.980)	(4.343.494.999.980)
▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(1.358.580.796)	(1.358.580.796)	(1.061.069.985)	(1.061.069.985)
▪ Phải trả người bán ngắn hạn	(6.932.719.156)	(6.932.719.156)	(1.529.059.162)	(1.529.059.162)
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	(32.395.604.925)	(32.395.604.925)	(36.808.606.827)	(36.808.606.827)
▪ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	(339.805.873)	(339.805.873)	(43.229.682)	(43.229.682)

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính này do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền mặt	-	33.479
Tiền gửi ngân hàng	255.187.855.378	471.368.921.802
Tương đương tiền	250.000.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	505.187.855.378	471.368.955.281

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các khoản tiền gửi không kỳ hạn (31/12/2023: 292.000 triệu VND) được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

Tương đương tiền bao gồm các chứng chỉ tiền gửi tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm là 4,75% (31/12/2023: không có).

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***6. Tài sản tài chính****(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL**

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	16.062.103.092	15.947.693.700	152.876.893	133.916.720
Trái phiếu chính phủ	-	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	278.000.000.000	278.000.000.000	208.000.000.000	208.000.000.000
	294.062.103.092	293.947.693.700	208.152.876.893	208.133.916.720

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có chứng chỉ tiền gửi trị giá 258.000 triệu VND (31/12/2023: không có) được cầm cố tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn tại ngân hàng (*)	2.204.833.174.997	1.901.953.463.541
▪ Trái phiếu chưa niêm yết (**)	100.000.000.000	270.000.000.000
	2.304.833.174.997	2.171.953.463.541
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Trái phiếu chưa niêm yết (**)	283.000.000.000	490.000.000.000
	2.587.833.174.997	2.661.953.463.541

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở lên và có thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm với mức lãi suất năm từ 3,5% đến 9,0% (31/12/2023: từ 4,0% đến 9,2%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn là 2.042.265 triệu VND (31/12/2023: 1.754.636 triệu VND) được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(**) Thông tin chi tiết trái phiếu chưa niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tài sản bảo đảm
Ngắn hạn					
▪ CTCP Tập đoàn An Phát Holdings - APHH2124001	-	50.000.000.000	1/4/2021	1/4/2024	
▪ CTCP Dầu tư Thương mại SMC - SMCH2124001	-	100.000.000.000	2/8/2021	2/8/2024	
▪ CTCP Nhựa Xanh An Phát - AAAH2124001	-	120.000.000.000	19/11/2021	19/11/2024	
▪ CTCP ASG - ASGH2225001	100.000.000.000	-	25/5/2022	25/5/2025	(i)
	100.000.000.000	270.000.000.000			
Dài hạn					
▪ CTCP Transimex - TMSH2126001	53.000.000.000	120.000.000.000	13/8/2021	13/8/2026	(ii)
▪ CTCP ASG - ASGH2225001	-	100.000.000.000	25/5/2022	25/5/2025	(i)
▪ CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa - SBTH2327001	70.000.000.000	100.000.000.000	26/6/2023	26/6/2027	(iii)
▪ CTCP Tập đoàn An Phát Holdings - APHH2325001	-	80.000.000.000	15/9/2023	15/9/2025	
▪ CTCP Dầu tư Thành Thành Công - TTCC2327002	90.000.000.000	90.000.000.000	30/11/2023	30/11/2027	(iv)
▪ Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - BCMH2427002	70.000.000.000	-	8/8/2024	8/8/2027	(v)
	283.000.000.000	490.000.000.000			
	383.000.000.000	760.000.000.000			



Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các trái phiếu ASGH2225001 được bảo đảm bằng 13.358.624 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG (ASG) và 6.825.000 cổ phiếu phổ thông của CTCP VINAFCO (VFC) (31/12/2023: 13.358.624 cổ phiếu phổ thông của ASG và 6.825.000 cổ phiếu phổ thông của VFC).
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các trái phiếu TMSH2126001 được đảm bảo bằng 11.700.000 cổ phiếu phổ thông của CTCP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CLX) (31/12/2023: 6.920.000 cổ phiếu phổ thông của CLX, 120.000 cổ phiếu phổ thông của PDN và 6.600.000 cổ phiếu phổ thông của VNF).
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các trái phiếu SBTH2327001 được đảm bảo bằng 23.384.390 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (GEG) và 72.222.098.607 VND tiền mặt (31/12/2023: 7.003.429 cổ phiếu phổ thông của CEG).
- (iv) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các trái phiếu TTCCH2327002 được bảo đảm bằng 11.966.880 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công – Biên Hòa (SBT) (31/12/2023: 10.000.000 cổ phiếu phổ thông của SBT).
- (v) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các trái phiếu BCMH2427002 được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất là Thửa đất số 10 (K4), Tờ bản đồ số 48, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

(c) Các khoản cho vay

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán (*)	3.629.116.332.032	3.629.116.332.032	3.063.596.406.045	3.063.596.406.045
Tạm ứng tiền bán chứng khoán	134.880.386.987	134.880.386.987	34.250.135.563	34.250.135.563
	3.763.996.719.019	3.763.996.719.019	3.097.846.541.608	3.097.846.541.608

- (*) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty nắm giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay.

7. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải thu và dự thu tiền lãi từ đầu tư	65.272.337.720	76.958.725.843
Phải thu và dự thu tiền lãi từ các khoản cho vay	32.386.859.641	31.849.202.303
	97.659.197.361	108.807.928.146

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***8. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Chi phí công nghệ thông tin	4.797.271.547	5.083.288.555
Chi phí thuê văn phòng	-	-
Các chi phí khác	474.136.184	445.959.511
	5.271.407.731	5.529.248.066

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Nâng cấp văn phòng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Các chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	923.892.725	2.090.650.360	288.213.516	3.302.756.601
Tăng trong năm	7.495.731.555	2.205.677.680	326.288.999	10.027.698.234
Phân bổ trong năm	(1.395.512.514)	(1.326.133.649)	(272.740.960)	(2.994.387.123)
Số dư cuối năm	7.024.111.766	2.970.194.391	341.761.555	10.336.067.712

9. Đầu tư dài hạn khác

	Tỷ lệ năm giữ	31/12/2024 Giá gốc VND	31/12/2023 Giá gốc VND	31/12/2023 Dự phòng VND
Công ty TNHH Logisvalley Vina	5,82%	45.160.443.113	45.160.443.113	-

Công Ty TNHH Logisvalley Vina là công ty có địa chỉ tại Lô CN7-10 và Lô CN8-5, Khu Công Nghiệp Yên Phong Mở Rộng, Thôn Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là trung tâm hậu cần và kho bãi.

Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá cho công ty chứng khoán.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*02
N
N
G
CH**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Nâng cấp tài sản thuê VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.289.081.100	25.215.347.528	18.775.022.913	3.492.077.930	48.771.529.471
Tăng trong năm	-	135.000.000	5.067.719.610	-	5.202.719.610
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	(159.520.000)	-	(159.520.000)
Thanh lý	-	(70.180.000)	(2.054.285.748)	(3.492.077.930)	(5.616.543.678)
Số dư cuối năm	1.289.081.100	25.280.167.528	21.628.936.775	-	48.198.185.403
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.289.081.100	15.818.688.166	10.691.692.395	1.526.610.690	29.326.072.351
Khấu hao trong năm	-	1.912.084.673	1.387.305.367	326.169.782	3.625.559.822
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	(96.746.879)	-	(96.746.879)
Thanh lý	-	(16.448.445)	(2.035.154.207)	(1.852.780.472)	(3.904.383.124)
Số dư cuối năm	1.289.081.100	17.714.324.394	9.947.096.676	-	28.950.502.170
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	9.396.659.362	8.083.330.518	1.965.467.240	19.445.457.120
Số dư cuối năm	-	7.565.843.134	11.681.840.099	-	19.247.683.233

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 18.674.282.861 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (31/12/2023: 15.844.624.449 VND).

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

M.S.C.N.

37

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phần mềm	4.303.542.000	355.383.380
Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:		
	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	355.383.380	13.024.382.948
Tăng trong năm	8.356.780.620	19.435.678.035
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	-	(6.662.205.000)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	(4.408.622.000)	(25.442.472.603)
Số dư cuối năm	4.303.542.000	355.383.380

13. Ký quỹ, ký cược**(a) Ký quỹ, ký cược ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền cọc thuê nhà	359.918.000	336.211.000

(b) Ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền cọc thuê văn phòng	5.223.327.606	2.235.498.600
Khác	89.000.000	25.000.000
	5.312.327.606	2.260.498.600

14. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND. Mức đóng tối đa vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán là 20 tỷ VND.

Biến động của tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	3.263.906.416	1.378.774.626
Tiền nộp trong năm	2.348.252.175	1.828.464.248
Tiền lãi nhận được trong năm	151.747.825	56.667.542
Số dư cuối năm	5.763.906.416	3.263.906.416

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

15. Vay ngắn hạn

Diễn giải	Nguyên tệ	Lãi suất định kỳ %	1/1/2024 VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	31/12/2024 VND
Khoản vay ngắn hạn từ							
▪ Ngân hàng trong nước	VND	3,00% - 6,52%	3.125.999.999,980	9.900.351.734,979	(9.031.352.172,512)	-	3.994.999.562,447
▪ Ngân hàng nước ngoài (*)	USD	5,49% - 7,47%	748.195.000,000	4.210.165.000,000	(4.523.635.510,000)	(8.464.490,000)	426.260.000,000
▪ Công ty mẹ (*)	USD	5,21% - 6,52%	469.300.000,000	507.000.000,000	(469.300.000,000)	-	507.000.000,000
			4.343.494.999,980	14.617.516.734,979	(14.032.752.172,512)	(8.464.490,000)	4.928.259.562,447

Các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, tài trợ hoạt động tự doanh và cho vay ký quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng trong nước và nước ngoài với số tiền là 3.662.396 triệu VND (31/12/2023: 3.674,195 triệu VND) được đảm bảo bởi 2.042.265 triệu VND các khoản tiền gửi có kỳ hạn, 258.000 triệu VND các khoản chứng chỉ tiền gửi và khoản bảo lãnh 50 triệu USD từ công ty mẹ (31/12/2023: 292.000 triệu VND các khoản tương đương tiền, 2.155.386 triệu VND các khoản tiền gửi có kỳ hạn và khoản bảo lãnh 50 triệu USD từ công mẹ) (Thuyết minh 5 và 6).

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản vay ngắn hạn có lãi suất năm từ 3,00% đến 7,47% (31/12/2023: từ 3,40% đến 9,55%).



Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả cho Sở giao dịch Chứng khoán	1.122.130.523	852.372.490
Phải trả cho VSDC	236.450.273	208.697.495
	1.358.580.796	1.061.069.985

**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Bên thứ ba	6.376.839.156	917.759.162
Bên liên quan (Thuyết minh 28)	555.880.000	611.300.000
	6.932.719.156	1.529.059.162



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán và Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số khấu trừ/ số đã nộp trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.550.655.408	33.858.119.110	(37.459.007.840)	3.949.766.678
Thuế thu nhập cá nhân	3.744.953.864	48.335.821.579	(48.865.042.638)	3.215.732.805
Thuế giá trị gia tăng	585.298.679	1.431.648.440	(1.987.381.042)	29.566.077
Thuế nhà thầu nước ngoài	310.498.977	4.801.924.643	(4.883.040.443)	229.383.177
Phí và lệ phí khác	-	27.850.000	(27.850.000)	-
	12.191.406.928	88.455.363.772	(93.222.321.963)	7.424.448.737

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	14.369.121.416	21.185.934.539
Chi phí thưởng	12.837.684.199	11.415.540.600
Chi phí hoa hồng	3.723.121.112	2.717.370.310
Phí chuyên gia tư vấn	437.101.941	461.168.124
Các chi phí khác	1.028.576.257	1.028.593.254
	32.395.604.925	36.808.606.827

20. Vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn điều lệ được duyệt và đã góp tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2023	
	VND	%
Shinhan Securities Co., Ltd. (trước đây gọi là “Shinhan Investment Corp.”)	1.912.600.000.000	100

Theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 21/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 3 năm 2023, tên chủ sở hữu Công ty được cập nhật từ Shinhan Investment Corp. thành Shinhan Securities Co., Ltd..

Công ty mẹ trực tiếp, Shinhan Securities Co., Ltd., và công ty mẹ cấp cao nhất, Shinhan Financial Group Co., Ltd. được thành lập tại Hàn Quốc.

21. Lãi/Lỗ từ bán tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL

	2024 VND	2023 VND
Lãi từ bán tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL		
Cổ phiếu niêm yết	1.116.737.368	-
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	457.756.821	
Trái phiếu chính phủ	10.000.000	
Chứng chỉ tiền gửi	1.304.793.861	442.565.616
	<u>2.889.288.050</u>	<u>442.565.616</u>
Lỗ từ bán tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL		
Cổ phiếu niêm yết	1.012.978.959	-
Trái phiếu chính phủ	2.227.110.000	
Chứng chỉ tiền gửi	460.466.086	491.106.580
	<u>3.700.555.045</u>	<u>491.106.580</u>
	<u>(811.266.995)</u>	<u>(48.540.964)</u>

Chi tiết lãi/(lỗ) từ việc bán các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL trong năm như sau:

2024	Số lượng bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	(Lãi)/lỗ từ bán chứng khoán năm nay VND	Lỗ từ bán chứng khoán năm trước VND
Cổ phiếu niêm yết	852.369	29.743.412.210	29.639.653.801	103.758.409	-
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	72	73.624.312.986	73.166.556.165	457.756.821	-
Trái phiếu chính phủ	69.990.000	7.550.727.010.000	7.552.944.120.000	(2.217.110.000)	-
Chứng chỉ tiền gửi	4.001.718	1.772.388.870.940	1.771.544.543.165	844.327.775	(48.540.964)
	<u>74.844.159</u>	<u>9.426.483.606.136</u>	<u>9.427.294.873.131</u>	<u>(811.266.995)</u>	<u>(48.540.964)</u>

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

2023	Số lượng bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi từ bán chứng khoán năm nay VND	Lãi từ bán chứng khoán năm trước VND
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	17.189.732.065
Chứng chỉ tiền gửi	2.775	2.619.346.039.266	2.619.394.580.230	(48.540.964)	-
	2.775	2.619.346.039.266	2.619.394.580.230	(48.540.964)	17.189.732.065

22. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	5.920.000.000	5.975.000.000

23. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính	11.200.635.455	10.495.454.546

24. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản vay

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	210.503.847.015	200.233.251.229

25. Chi phí hoạt động không liên quan đến tài sản tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	137.963.282.391	90.231.742.748
Chi phí lương cho nhân viên	40.920.520.100	37.445.131.815
Hoa hồng cho nhân viên môi giới	42.173.883.629	19.382.691.852
Phí môi giới chứng khoán	17.937.046.952	9.265.402.649
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.276.447.767	15.024.112.047
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	7.784.995.728	7.594.938.317
Công cụ và dụng cụ	1.197.580.217	-
Chi phí khác	672.807.998	1.519.466.068
Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	4.731.170.467	5.248.932.157
Chi phí nhân viên	4.731.170.467	5.248.932.157
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	3.619.953.200
Chi phí nhân viên	-	3.619.953.200
Chi phí khác	-	-
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	2.586.603.618	2.001.929.551
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	9.135.183.256	9.230.880.600
Chi phí nhân viên	8.460.309.192	3.824.039.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	415.680.170	4.046.973.048
Chi phí khấu hao TSCĐ	231.713.886	311.278.686
Chi phí khác	27.480.008	1.048.589.533
	154.416.239.732	110.333.438.256

26. Chi phí quản lý

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lương nhân viên	27.053.107.735	29.220.607.278
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.003.662.350	13.347.086.499
Chi phí thuê văn phòng	13.450.376.443	12.854.624.282
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	1.332.452.328	1.310.299.698
Công cụ và dụng cụ	729.328.397	517.370.707
Chi phí khác	400.098.499	647.729.140
	67.969.025.752	57.897.717.604

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	33.858.119.110	29.292.805.177
Dự phòng thiếu của những năm trước	-	108.751.635
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	33.858.119.110	29.401.556.812
Chi phí thuế hoãn lại		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	33.858.119.110	29.401.556.812

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024	2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	168.696.146.180	145.007.173.701
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	33.739.229.236	29.001.434.740
Chi phí không được khấu trừ thuế	118.889.874	291.370.437
Dự phòng thiếu của những năm trước	-	108.751.635
	33.858.119.110	29.401.556.812

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

(d) Thuế tối thiểu toàn cầu

Như được đề cập tại Thuyết minh 3(p), Quốc hội Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 107/2023/NQ-QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 (“Nghị quyết 107”) về việc áp dụng Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (“IIR”) và Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (“QDMTT”). Các quy định này nhất quán và phù hợp với Quy định mẫu chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu Trụ cột 2 (“BEPS 2.0”) của OECD và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024. Nghị quyết này quy định các tập đoàn đa quốc gia có quy mô lớn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức thuế suất tối thiểu toàn cầu là 15% trên lợi nhuận tại các quốc gia/vùng lãnh thổ mà tập đoàn hoạt động.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đang trong quá trình đánh giá tác động liên quan đến các yêu cầu về thuế bổ sung tối thiểu toàn cầu đối với báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

28. Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty Chứng khoán Shinhan – công ty mẹ		
Doanh thu môi giới	255.480.840	280.615.314
Chi phí quản lý	1.509.070.365	1.058.805.722
Vay ngắn hạn	507.000.000.000	469.300.000.000
Trả gốc vay	469.300.000.000	-
Chi phí bảo lãnh khoản vay	1.869.769.750	-
Chi phí lãi vay	31.185.617.487	15.819.306.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.000.212	-
Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam – công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất		
Bán chứng chỉ tiền gửi	-	100.043.836.000
Ngân hàng Shinhan Vietnam – công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất		
Vay ngắn hạn	2.194.900.000.000	1.924.000.000.000
Trả gốc khoản vay	1.886.000.000.000	1.809.000.000.000
Chi phí lãi vay	35.774.235.373	40.736.632.874
Thu nhập lãi tiền gửi	10.142.163.001	3.910.260.311
Nhận tiền gửi có kỳ hạn	171.500.000.000	-
Thanh toán tiền gửi có kỳ hạn	4.500.000.000	-
Phí tư vấn phát hành	1.400.000.000	-
Chi phí thuê ngoài khác	11.988.936	-
Công ty TNHH Shinhan DS Việt Nam – công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất		
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.520.336.160	23.162.928.277
Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	12.026.271.948	14.344.826.702

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Số dư tại ngày	
	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Công ty Chứng khoán Shinhan – công ty mẹ		
Phải thu phí môi giới	1.048.390	706.204
Vay ngắn hạn	507.000.000.000	469.300.000.000
Dự chi lãi vay	3.928.169.412	8.419.304.262
Phải trả chi phí dịch vụ bảo lãnh	928.194.750	914.062.500
Ngân hàng Shinhan Vietnam – công ty liên quan		
Tiền gửi không kỳ hạn	6.571.890.790	45.481.425.529
Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	285.500.000.000	118.500.000.000
Dự thu lãi tiền gửi	6.596.805.479	4.532.069.863
Vay ngắn hạn	863.900.000.000	555.000.000.000
Dự chi lãi vay	739.260.027	652.026.028
Công ty TNHH Shinhan DS Việt Nam – công ty liên quan		
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 17)	555.880.000	611.300.000

29. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2024		2023	
	Khối lượng giao dịch thực hiện VND	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện VND	Giá trị giao dịch thực hiện VND
Của Công ty				
Chứng chỉ tiền gửi	8.004.938	5.631.290.276.014	5.653	14.255.298.053.880
Cổ phiếu	2.421.619	75.292.292.210	-	-
Trái phiếu doanh nghiệp	1.387	398.830.449.977	-	-
Trái phiếu chính phủ	139.980.000	15.103.671.130.000	-	-
Của nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	1.971.693.198	43.665.068.937.960	1.612.505.988	33.155.849.132.710
Chứng chỉ quỹ	591.819	16.184.703.370	317.749	6.566.015.450
Chứng quyền	3.774.400	2.432.580.000	1.710.900	2.682.116.000
Trái phiếu	20.079	62.834.840.863	682.782	68.487.095.469
	2.126.487.440	64.955.605.210.394	1.615.223.072	47.488.882.413.509

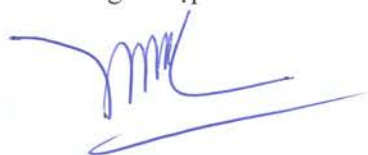
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***30. Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Trong vòng một năm	18.467.901.045	7.542.679.256
Từ hai đến năm	74.906.591.745	3.746.326.793
Từ năm trở lên	103.148.152.818	-
	196.522.645.608	11.289.006.049

Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Bà Huỳnh Thụy Hải Ngân
Nhân viên Kế toán

Người soát xét:

Bà Nguyễn Thị Huệ Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Han BokHee
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN
SHINHAN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2025/CV/SSV-FA
V/v: Giải trình LNST năm.2024

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM

Thực hiện Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại khoản 4, điều 14 Công ty chứng khoán phải giải trình nguyên nhân xảy ra trường hợp:” Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo kỳ trước...”

Theo đó, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Shinhan Việt Nam giải trình như sau:

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Tăng/(Giảm)	
			Giá trị	% Chênh lệch
I. Doanh thu hoạt động	609.837.896.912	514.665.212.597	95.172.684.315	18%
II. Chi phí hoạt động	371.531.905.922	311.049.502.147	60.482.403.775	19%
III. Doanh thu hoạt động tài chính	801.213.010	557.287.963	243.925.047	44%
IV. Chi phí tài chính	619.327.946	624.703.056	(5.375.110)	-1%
VI. Chi phí quản lý	67.969.025.752	57.897.717.604	10.071.308.148	17%
VII. Kết quả hoạt động	170.518.850.302	145.650.577.753	24.868.272.549	17%
VIII. Thu nhập khác và chi phí khác	(1.822.704.122)	(643.404.052)	(1.179.300.070)	N/A
IX. Tổng lợi nhuận trước thuế	168.696.146.180	145.007.173.701	23.688.972.479	16%
X. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	33.858.119.110	29.401.556.812	4.456.562.298	15%
XI. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	134.838.027.070	115.605.616.889	19.232.410.181	17%



Nguyên nhân biến động:

1/ Doanh thu năm 2024 tăng 95 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023 (tương đương tăng 18%). Chủ yếu là do:

Trong năm 2024, doanh thu từ các khoản nắm giữ đến ngày đáo hạn và doanh thu cho vay ký quỹ khách hàng tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái.

2/ Chi phí hoạt động trong năm 2024 tăng 60.48 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023 (tương đương tăng 19%) là do:

Công ty đẩy mạnh hoạt động môi giới, hoạt động giao dịch ký quỹ so với cùng kỳ năm ngoái dẫn đến những chi phí liên quan tương ứng như chi phí lãi vay, chi phí cho hoạt động môi giới cũng tăng theo..

3/ Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2024 tăng 10 tỷ so với năm 2023.

Trên đây là giải trình về sự thay đổi lợi nhuận sau thuế năm 2024 so với lợi nhuận sau thuế cùng kỳ năm 2023.

Nơi nhận:

- Lưu: như trên & Phòng kế toán

Tp.HCM, Ngày 31 tháng 03 năm 2025



Tổng Giám đốc

Han BokHee

